

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Ngọc Anh
Giảng viên hướng dẫn: ThS Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG – 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Ngọc Anh
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG – 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Ngọc Anh

Mã SV:1213401010

Lớp: QTL601K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Xây lắp điện Duyên Hải.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - ✓ Tìm hiểu lý luận về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
 - ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Xây lắp điện Duyên Hải.
 - ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - ✓ Sử dụng số liệu năm 2013 phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây lắp điện Duyên Hải.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần Xây lắp điện Duyên Hải.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Xây lắp điện Duyên Hải

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 07 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngàytháng năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	1
1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	1
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	1
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.3. Các khái niệm cơ bản.....	2
1.1.3.1. Doanh thu.....	2
1.1.3.2. Chi phí.....	5
1.1.3.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.2. Lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	7
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	7
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.....	7
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng.....	7
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán.....	9
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	10
1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.....	10
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng.....	11
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng.....	11
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán.....	12
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	14
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.....	14
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.....	14

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	15
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	17
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng	17
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	17
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán	17
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	19
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng	19
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng	19
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán	19
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	21
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng	21
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng	21
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán	22
1.3. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	24
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	24
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	24
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	24
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ	25
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính	26
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI	27
2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải	27
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	27
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty	27
2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn	28
2.1.3.1. Thuận lợi	28
2.1.3.2. Khó khăn	28
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty	29

2.1.4.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty	29
2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, phòng ban.....	30
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần Xây lắp Điện Duyên Hải.....	31
2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty	31
2.1.5.2. Chính sách, chế độ kế toán áp dụng tại công ty.....	33
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải	35
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải	35
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty.....	48
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải	48
2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải.....	55
2.2.5. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải.....	63
2.2.5.1. Doanh thu hoạt động tài chính tại công ty	63
2.2.5.2. Chi phí hoạt động tài chính tại công ty	69
2.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải.....	76
2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải.....	77
CHƯƠNG III:MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI	87
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải	87
3.1.1.Kết quả đạt được	87
3.1.2. Hạn chế.....	88
3.2. Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải.....	89

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	89
3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải.....	90

KẾT LUẬN

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện kinh tế thị trường phát triển và hội nhập nhiều doanh nghiệp trên cùng một địa bàn cùng kinh doanh những sản phẩm giống nhau nên sự cạnh tranh lẫn nhau ngày càng trở nên khó khăn hơn. Lợi nhuận của doanh nghiệp là kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động đầu tư tài chính và lợi nhuận bất thường khác. Lợi nhuận càng cao thì tình hình tài chính càng ổn định. Vì vậy, vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp là làm sao đạt được lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh. Do đó, cuối kỳ kinh doanh doanh nghiệp phải xác định kết quả kinh doanh xem lãi hay lỗ từ đó có biện pháp quản lý doanh nghiệp thích hợp để đạt được lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh. Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Do đó, nhiệm vụ quan trọng của kế toán công ty là cần phải xác định đúng lãi, lỗ của hoạt động kinh doanh để giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có thể nhanh chóng đưa ra các chiến lược kinh doanh nhằm giúp doanh nghiệp có đủ thông tin để đạt được lợi thế trong kinh doanh, giảm chi phí và đạt được lợi nhuận cao. Nhận thấy tầm quan trọng của công tác kế toán xác định doanh thu và lợi nhuận tại công ty, cùng với sự hướng dẫn tận tình của ThS. Trần Thị Thanh Thảo và các nhân viên phòng kế toán của Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải, em đã đi sâu vào nghiên cứu đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải”***.

1. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Làm rõ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải.
- Đánh giá thực trạng và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: nghiên cứu về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Phạm vi nghiên cứu: số liệu, chứng từ, sổ sách kế toán trong công ty nói chung và nội dung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng năm 2013.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chung: bao gồm các phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối), các phương pháp phân tích kinh doanh (phương pháp so sánh, phương pháp liên hệ), phương pháp nghiên cứu tài liệu để kế thừa thành tựu đã đạt được...

Phương pháp kỹ thuật trình bày: kết hợp giữa mô tả với phân tích, giữa luận giải với bảng biểu sơ đồ.

4. Nội dung, kết cấu của đề tài

Ngoài lời mở đầu và kết luận, khóa luận tốt nghiệp bao gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải.

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải.

Qua đây em cũng xin gửi lời cảm ơn đến GV- THs. Trần Thị Thanh Thảo cùng cô chú cán bộ phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này. Tuy nhiên, do phạm vi đề tài rộng, thời gian thực tế chưa nhiều nên bài viết của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong sự góp ý cũng như sự chỉ bảo thêm của các thầy cô cũng như các anh chị trong phòng kế toán của công ty để em có điều kiện bổ sung nâng cao kiến thức của mình, giúp em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình một cách tốt nhất.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng 06 năm 2014

Sinh viên

Nguyễn Ngọc Anh

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả nhất. Do đó, doanh nghiệp cần phải kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí để biết được kinh doanh mặt hàng nào, lĩnh vực nào đem lại hiệu quả cao; đồng thời xem xét, phân tích những mặt hàng nào còn hạn chế. Từ đó doanh nghiệp có thể đưa ra những giải pháp, chiến lược kinh doanh đúng đắn nhất. Để có thể tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thật hợp lý và phù hợp, doanh nghiệp cần phải hiểu rõ vai trò của doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác,...

Đồng thời các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến việc quản lý chi phí, bởi nếu chi phí không hợp lý, không đúng với thực chất của nó, đều gây ra những khó khăn trong quản lý và có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra doanh nghiệp phải xác định đúng đắn kết quả kinh doanh. Có như vậy thì doanh nghiệp mới biết được thực chất tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình, biết được xu hướng phát

triển của doanh nghiệp. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

Như vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp; qua đó xử lý và cung cấp các thông tin giúp cho chủ doanh nghiệp và giám đốc điều hành có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả cao nhất; đồng thời giúp cho các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý tài chính, cơ quan thuế,... giám sát việc chấp hành các chính sách, chế độ kinh tế, tài chính, chính sách thuế của doanh nghiệp.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi, đơn đốc, thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng.
- Phản ánh, tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.
- Cung cấp thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

1.1.3. Các khái niệm cơ bản

1.1.3.1. Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu:

❖ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được liên quan đến việc bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp các lao vụ, dịch vụ.

📖 Theo chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Doanh nghiệp xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

📖 Thời điểm ghi nhận Doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

- Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo tiêu thức này, người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.
- Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận báo cáo bán hàng do đại lý ký gửi.
- Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng đến địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã thu được bên mua nhận nợ.
- Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

 Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ **Doanh thu bán hàng nội bộ**

Doanh thu bán hàng nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu**

- **Chiết khấu thương mại (CKTM):** là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng).
- **Giảm giá hàng bán (GGHB):** là số tiền người bán giảm trừ cho người mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách, kích cỡ.
- **Hàng bán bị trả lại (HBBTL):** là giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.
- **Thuế giá trị gia tăng phải nộp (theo phương pháp trực tiếp):** thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.
- **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Thuế xuất khẩu: là loại thuế gián thu, đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

❖ **Doanh thu thuần**

Doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính là giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

❖ **Thu nhập khác**

Theo chuẩn mực kế toán số 14, Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.3.2. Chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến là giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Các loại chi phí:

❖ **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính và giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung của doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, dịch vụ mua ngoài,...

❖ Chi phí hoạt động tài chính: là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ tỷ giá hối đoái,...

❖ Chi phí khác: là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

❖ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là loại thuế thực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành: là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại: là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.3.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

➤ Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí QLDN.

Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	=	DT BH và CCDV	-	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	GVHB	-	CPBH, QLDN
----------------------------------	---	------------------	---	------------------------------------	---	------	---	---------------

✓ Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

$$\text{Lợi nhuận tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

✓ Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Doanh thu khác} - \text{Chi phí khác}$$

✓ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số của Lợi nhuận từ hoạt động SXKD, Lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng lợi nhuận kế} & & \text{Lợi nhuận} & & & & \text{Lợi} \\ \text{toán trước thuế} & = & \text{thuần từ HĐ} & + & \text{Lợi nhuận tài} & + & \text{nhuận} \\ & & \text{SXKD} & & \text{chính} & & \text{khác} \end{array}$$

✓ Lợi nhuận sau thuế TNDN: là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế TNDN.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Lợi nhuận sau thuế} & & \text{Tổng lợi nhuận kế toán} & & \text{Chi phí thuế} \\ \text{TNDN} & = & \text{trước thuế} & - & \text{TNDN} \end{array}$$

1.2. Lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Thẻ quầy hàng, Báo cáo bán hàng.
- Hóa đơn GTGT (được lập làm 3 liên).
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có.
- Báo cáo chi tiết hàng uỷ thác nhập, giao bán thẳng, nhận hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

- ❖ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- ✓ Các tài khoản cấp 2:
 - TK5111: Doanh thu bán hàng hóa
 - TK5112: Doanh thu bán các thành phẩm
 - TK5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

- TK5118: Doanh thu khác

✓ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;
- Doanh thu bán hàng bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán, khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;
- Kết chuyển doanh thu thuần và TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu.

Tài khoản 521 gồm 3 tài khoản cấp 2 sau đây:

+ *Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại:* phản ánh số giảm giá cho người mua hàng đối với khối lượng hàng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác có liên quan đến bán hàng.

+ *Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại:* Phản ánh trị giá bán của số sản phẩm, hàng hóa đã bán bị khách hàng trả lại.

+ *Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán:* Phản ánh các khoản giảm giá hàng bán so với giá bán ghi trong Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng thông thường phát sinh trong kỳ.

✓ Kết cấu tài khoản

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tài khoản 521 “ Các khoản giảm trừ doanh thu”

- Trị giá hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra. - Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng.	Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

Các tài khoản cấp 2 dùng để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:

Tài khoản 3331: Thuế GTGT phải nộp

Tài khoản 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt

Tài khoản 3333: Thuế xuất, nhập khẩu

Tài khoản 333 “ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước. - Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp. - Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.	- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Số dư bên Có TK 333: Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

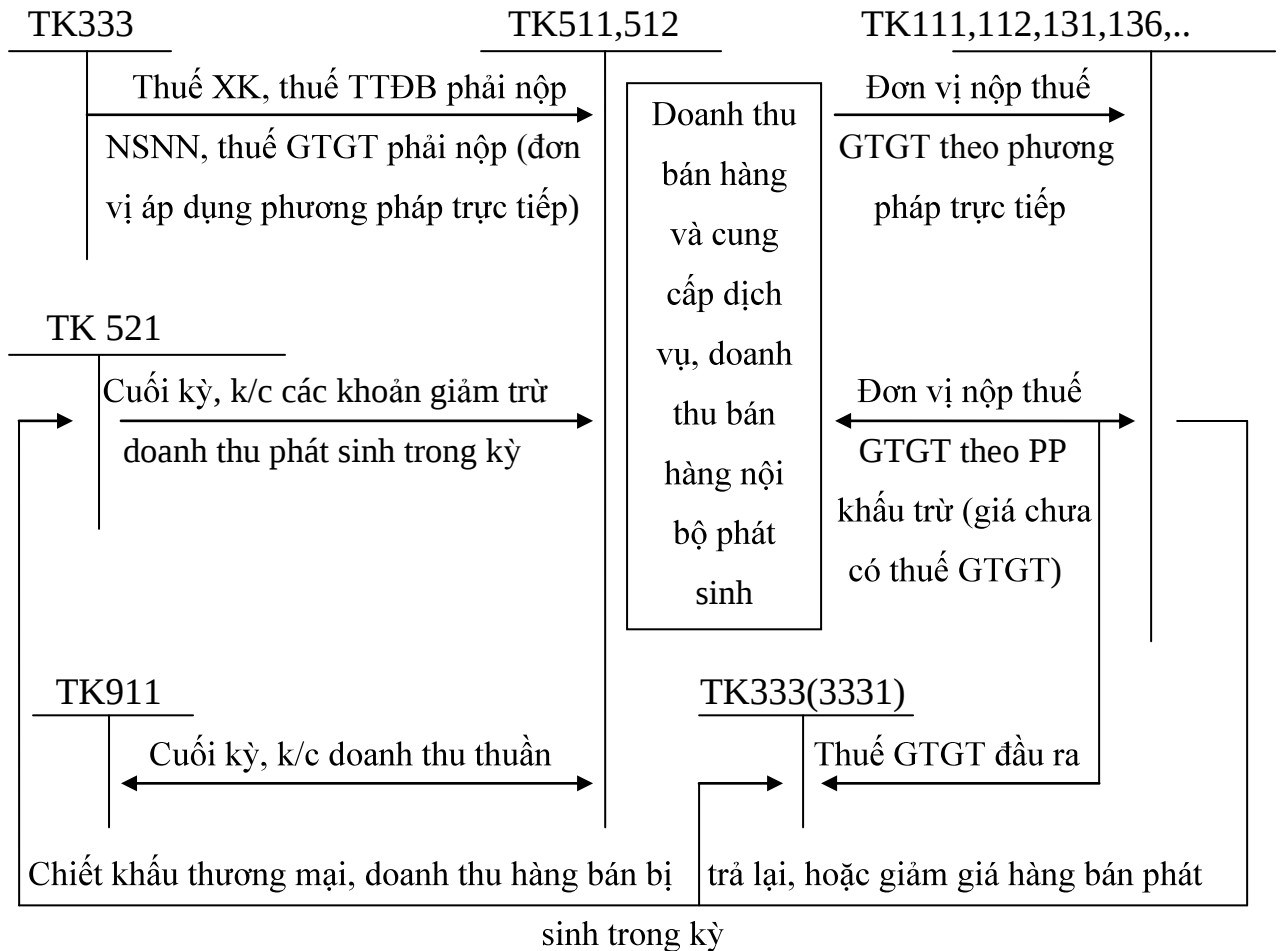
Trong trường hợp cá biệt, Tài khoản 333 có thể có số dư bên Nợ. Số dư Nợ (nếu có) của TK 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm do thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1.

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

Căn cứ vào chuẩn mực kế toán số 02 – “Hàng tồn kho” ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho là:

✓ Phương pháp bình quân gia quyền: giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương từ đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

✓ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO): áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

✓ Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO): áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị của hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

✓ Phương pháp tính theo giá đích danh: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho.
- Thẻ quầy hàng, Báo cáo bán hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

- ✓ Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.
- ✓ Kết cấu:
 - ❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
Bên Nợ:
 - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;
 - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công, chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
 - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm gây ra;
 - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;

- Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT; Số khấu hao BĐSĐT trích trong kỳ;
- Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động, bán, thanh lý BĐSĐT trong kỳ; Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;
- Trị giá bán bị trả lại nhập kho.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ;
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho, dịch vụ đã hoàn thành.

Bên Có:

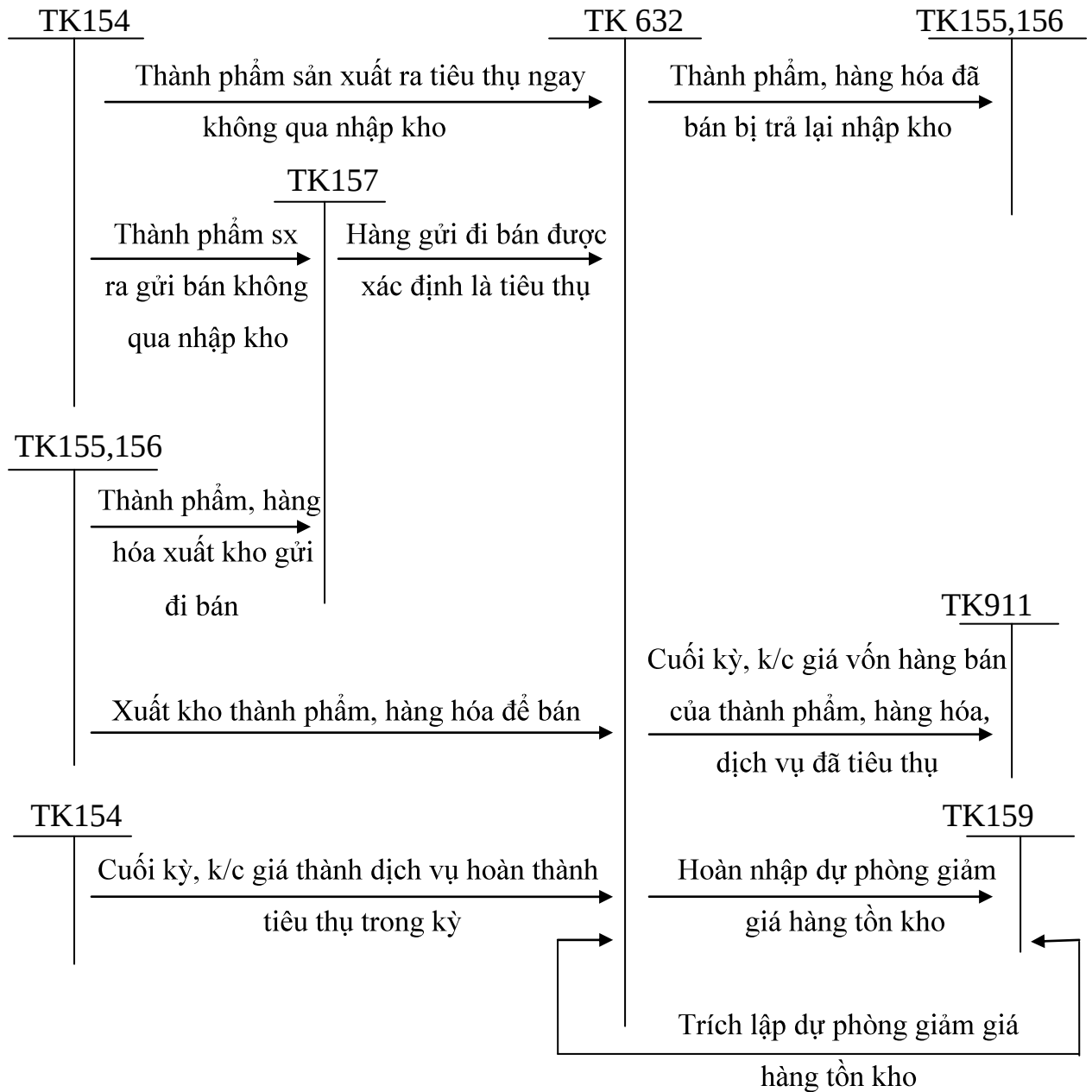
- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính
- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ;
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

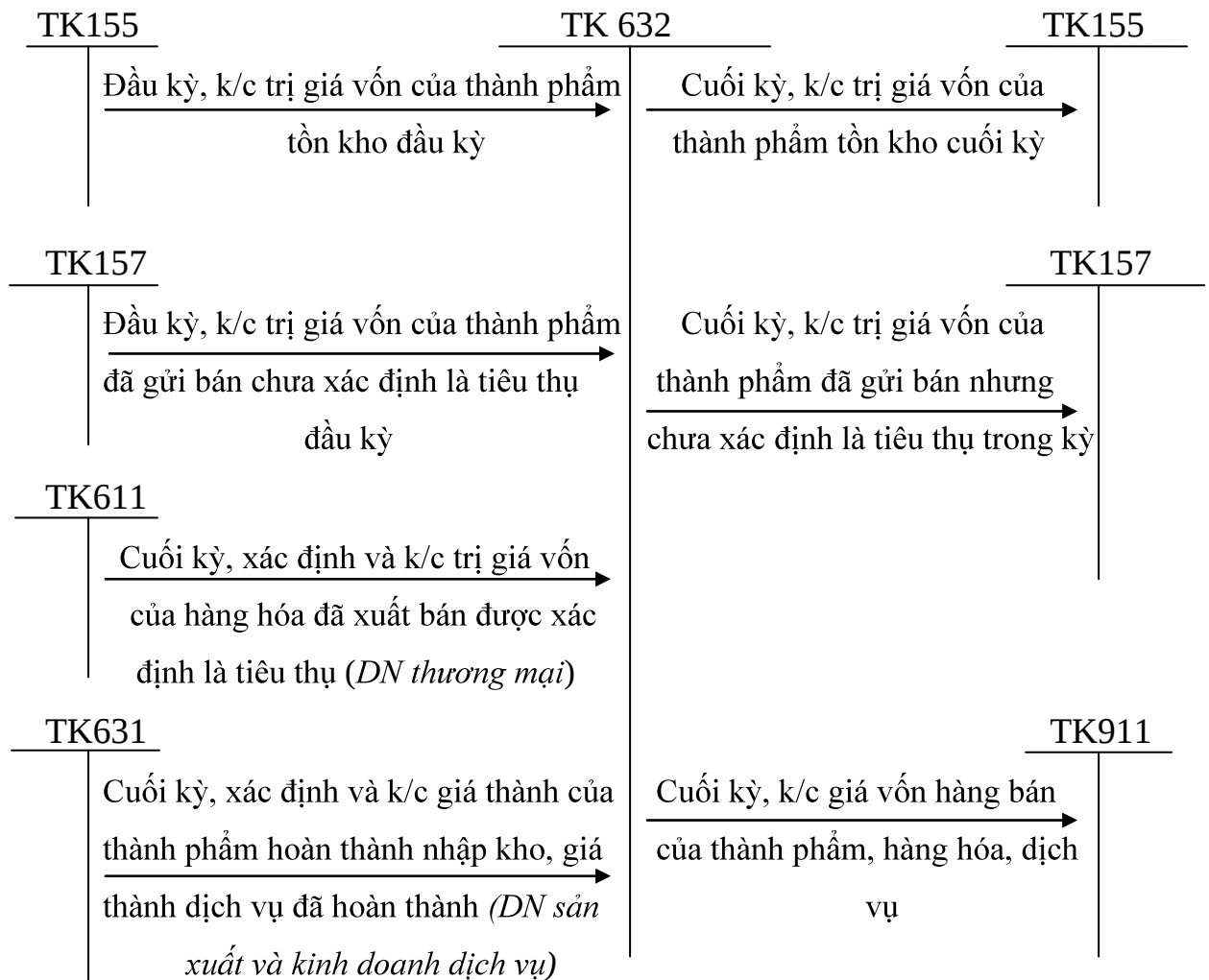
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo 2 phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ được khái quát qua 2 sơ đồ 1.2 và 1.3.

Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy đề nghị thu nợ, phiếu hạch toán giao dịch khách hàng.
- Bảng sao kê tài khoản khách hàng
- Bảng kê tiền vay và trả nợ vay.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- ❖ Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.
- ✓ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911.

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia; lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
 - Chiết khấu thanh toán được hưởng; lãi tỷ giá hối đoái;
 - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCH đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
 - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
- Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

✓ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ; Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCH đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

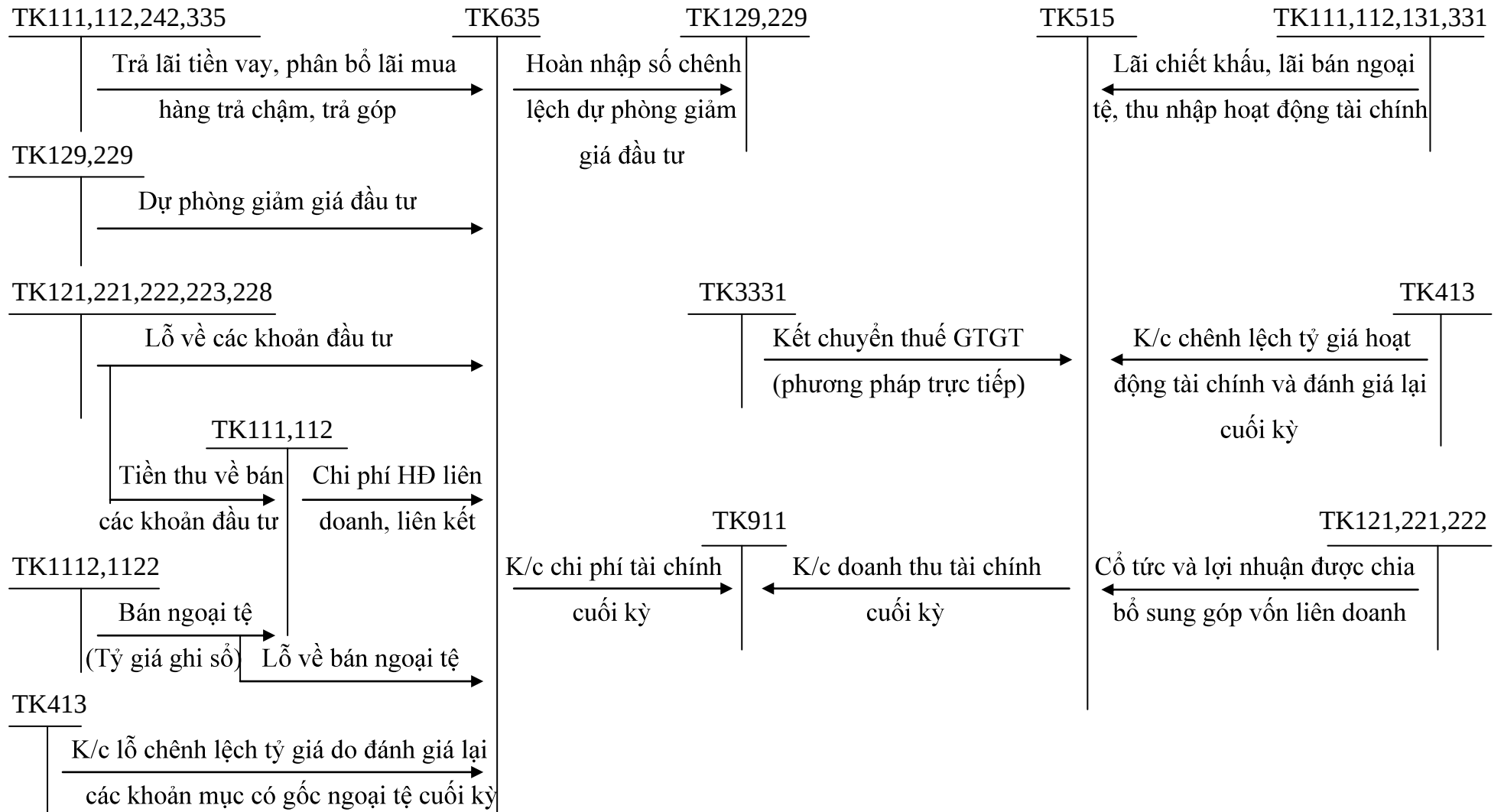
Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.4.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Theo quyết định 48/2006/QĐ - BTC chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo Nợ.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

TK 642 - "Chi phí quản lý kinh doanh", bao gồm 2 tài khoản cấp 2:

- TK 6421 - "Chi phí bán hàng"
- TK 6422 - "Chi phí quản lý doanh nghiệp"
- ✓ Kết cấu tài khoản

Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh”

- Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.	- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ. - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào bên Nợ tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

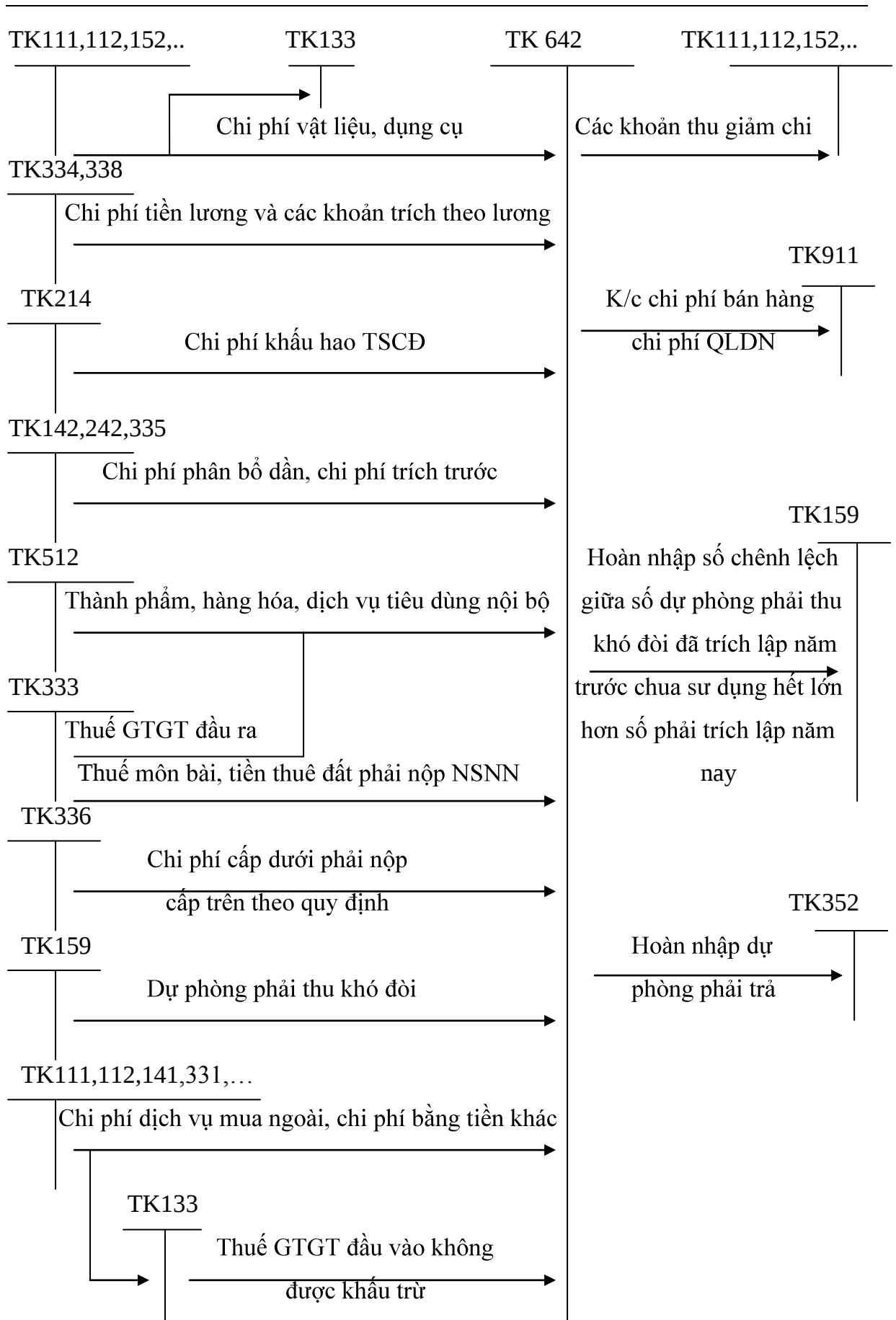
Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.5.

Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá lại tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ
- Phiếu thu, phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác

✓ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các tài khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Cuối kỳ, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911.

Bên Có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác

✓ Kết cấu:

Bên Nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có:

Cuối kỳ, kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK911.

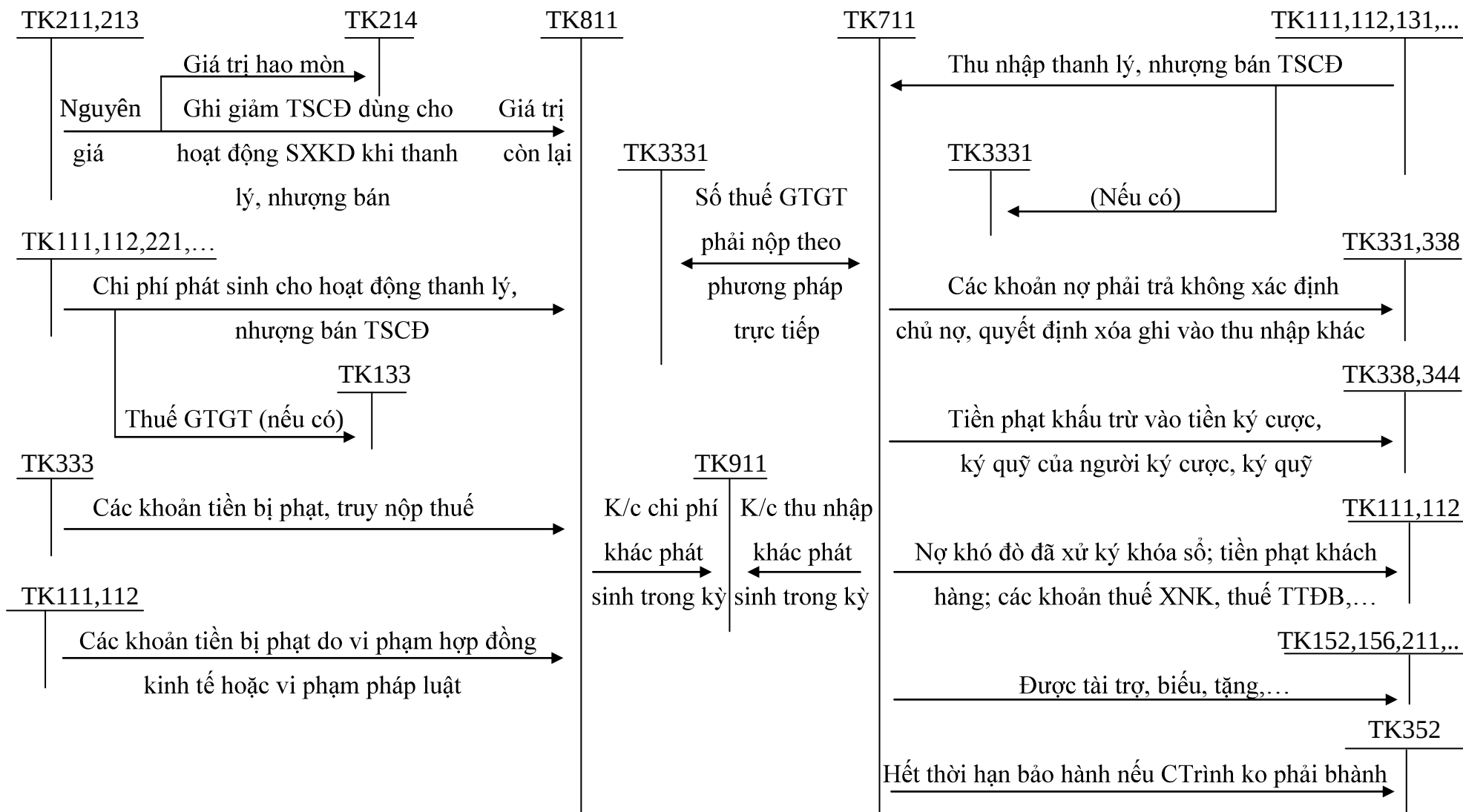
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán.
- Quyết định xử lý lỗ các năm trước.
- Quyết định trích lập các quỹ trong doanh nghiệp.
- Các biên bản, hợp đồng về việc chia lợi nhuận,...
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

✓ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

✓ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm;
- Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại.

Bên Có:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm;

- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm;
- Kết chuyển chi phí thuế TNDN vào bên Nợ Tài khoản 911.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

✓ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp; Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh; Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù;
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có

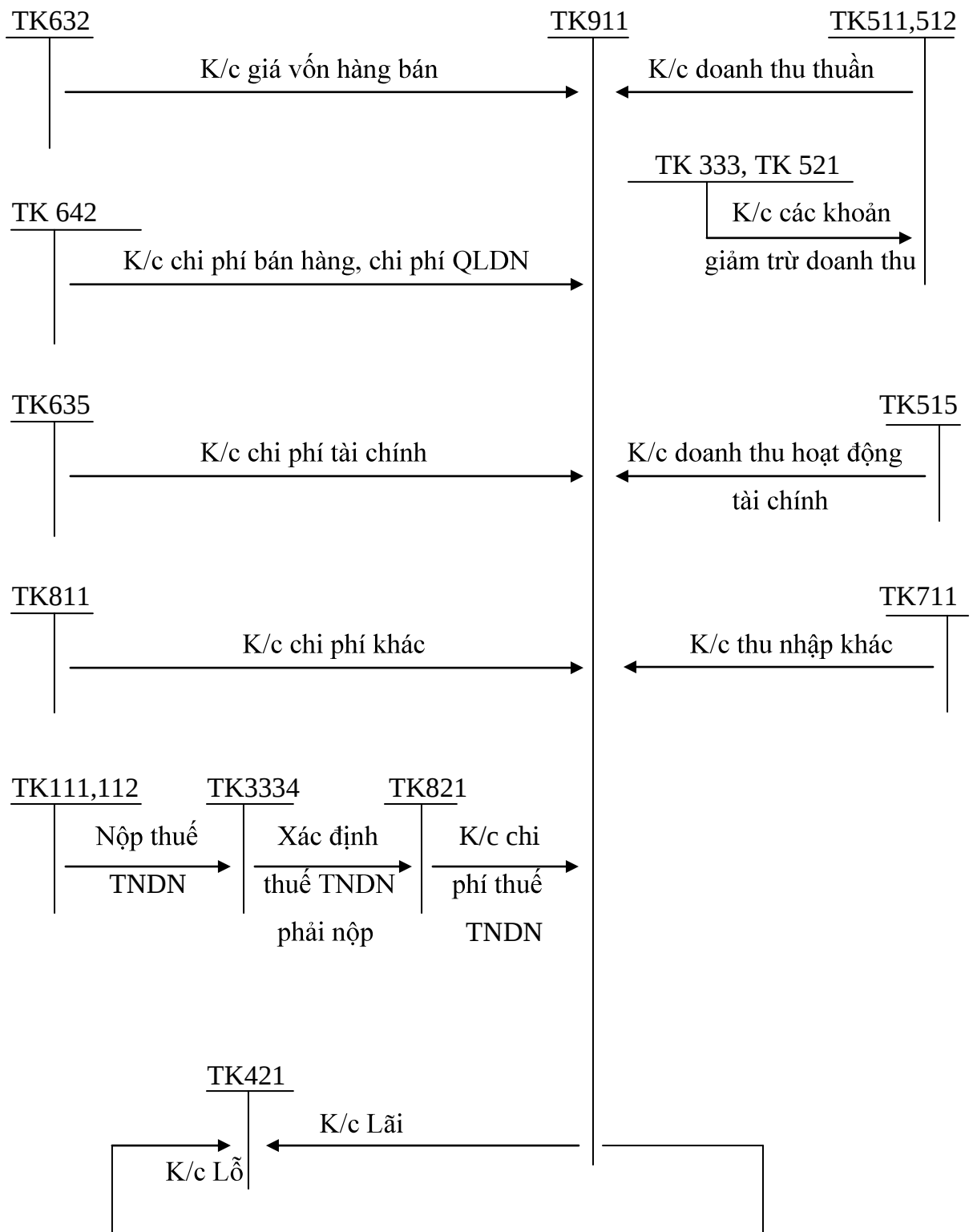
- Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
- Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để ghi chép, hệ thống hóa các thông tin kế toán doanh nghiệp phải sử dụng một hình thức kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có.

Hiện nay, các hình thức kế toán các doanh nghiệp áp dụng bao gồm: Hình thức kế toán Nhật ký chung, hình thức Nhật ký - Sổ cái, hình thức Chứng từ ghi sổ, hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ, hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi theo thứ tự thời gian, theo quan hệ đối ứng của các tài khoản vào sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan.
- Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho phân công việc.
- Nhược điểm: Việc ghi chép bị trùng lặp nhiều.

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

- Đặc điểm: Sử dụng Sổ nhật ký sổ cái làm sổ tổng hợp để ghi chép tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thứ tự thời gian và theo theo hệ thống trên cùng một trang sổ.
- Ưu điểm: Sử dụng các loại sổ có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu.
- Nhược điểm: Khó phân công công việc.

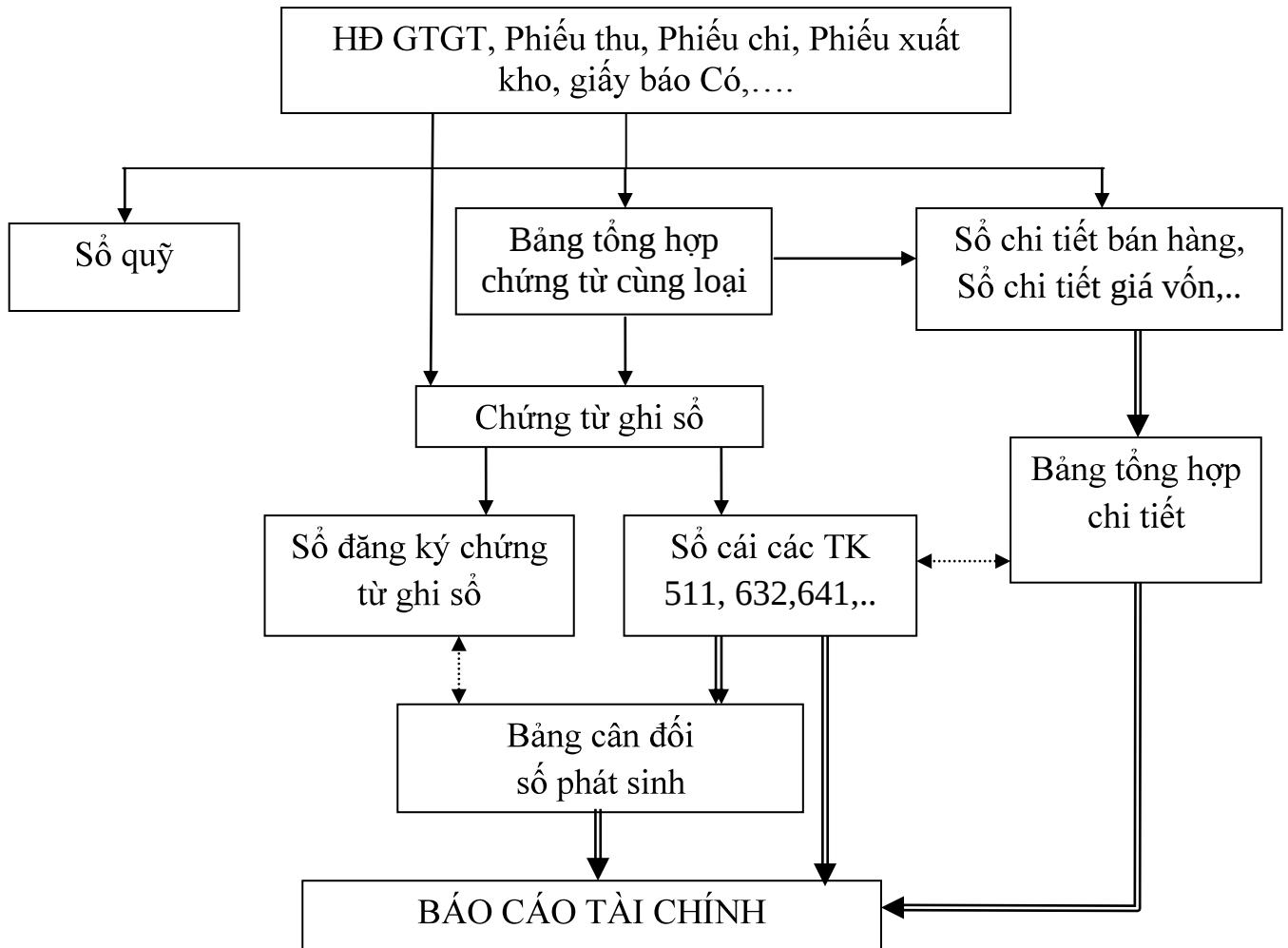
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại, tổng hợp để lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan.
- Ưu điểm: Kết cấu mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu.
- Nhược điểm: Ghi chép còn trùng lặp, khối lượng ghi chép nhiều.

Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được khái quát qua sơ đồ 1.8.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.8. Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú: Ghi hàng ngày $\longrightarrow$
Ghi vào cuối tháng $\Longrightarrow$
Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào Bảng kê và Nhật ký chứng từ. Cuối tháng, tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan.
- Ưu điểm: Tập hợp số liệu vào các chứng từ, sổ theo quan hệ đối ứng của các tài khoản nên giảm nhẹ thao tác ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra.
- Nhược điểm: Mẫu sổ phức tạp, đòi hỏi nhân viên kế toán phải có chuyên môn vững vàng.

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của 1 trong 4 hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán. Nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và các Báo cáo tài chính theo quy định.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Duyên Hải là một doanh nghiệp trực thuộc Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hải Phòng, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần Số: 02003000598 ngày 22 tháng 10 năm 2003, thay đổi lần thứ 1 ngày 10 tháng 09 năm 2009, thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 05 năm 2010 Số: 0200571593.

Với số vốn điều lệ ban đầu 8.000.000.000 đồng, công ty đã tiến hành mở rộng sản xuất, mua sắm máy móc, thiết bị và một số tài sản cố định để nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh.

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Duyên Hải

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Duyen Hai Electricity Assembly
Joint Stock Company

Tên công ty viết tắt: Duyen Hai E.A.C

Địa điểm trụ sở chính: Số 163 Nguyễn Đức Cảnh, phường Cát Dài, quận Lê Chân, Hải Phòng.

- Điện thoại: 031.8600994

Fax: 031.3513279

- Mã số thuế: 0200571593

- Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

- Lĩnh vực kinh doanh: lắp đặt đường cáp ngầm, trạm biến áp, kinh doanh vật liệu điện.

- Cổ đông sáng lập:

Ông Nguyễn Văn Tới: 3.500.000.000 đồng

Ông Bùi Văn Chắt: 2.000.000.000 đồng

Bà Nguyễn Thị Hạnh: 2.500.000.000 đồng

Dù thời gian thành lập chưa lâu, còn gặp nhiều khó khăn, thử thách nhưng nhờ sự chỉ đạo sáng suốt, đúng đắn của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc mà công ty ngày càng phát triển bền vững trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

Căn cứ vào giấy phép kinh doanh số 0200571593 được Sở kế hoạch và

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 04 tháng 05 năm 2010, Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng được tiến hành các hoạt động sau:

- Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 35 KV.
- Kinh doanh các loại vật tư, máy móc thiết bị, hàng kim khí, phụ tùng, khí cụ điện, vật liệu xây dựng.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình hạ tầng, công trình điện chiếu sáng công cộng, trang trí nội ngoại thất, san lấp mặt bằng.
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 110 KV.

2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn

2.1.3.1. Thuận lợi

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Duyên Hải được thành lập với tổng số vốn ban đầu là 8.000.000.000 đồng.

- Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Duyên Hải có đội ngũ những kỹ sư trẻ có chuyên môn cao, đội ngũ công nhân viên lành nghề, nhiều kinh nghiệm, cán bộ công nhân viên tâm huyết, nhiệt tình với công việc, nghiêm chỉnh chấp hành những qui định của công ty và có trách nhiệm cao đối với công việc, tinh thần đoàn kết cao giúp tăng hiệu quả lao động và năng suất kinh doanh.

- Công ty đầu tư phát triển bổ sung nguồn nhân lực, đào tạo nâng cao tay nghề đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật sẵn sàng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Ngoài các dự án từ những năm trước chuyển sang. Trong năm qua công ty đã chủ động tham gia đấu thầu và thắng thầu ở các công trình ngoài nên khối lượng công việc lớn và thu nhập tương đối ổn định.

2.1.3.2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi đó, ta không thể không kể đến những khó khăn mà công ty đang gặp phải. Hoạt động trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp luôn luôn phải cạnh tranh nhau để tồn tại.

- Những năm gần đây các doanh nghiệp xây lắp đều gặp khó khăn về tài chính, ảnh hưởng trực tiếp đến toàn bộ hoạt động, những khoản nợ đầu tư khiến các doanh nghiệp này không còn đủ năng lực tài chính để duy trì đối ứng cho sản xuất, kinh doanh.

- Thị trường công việc của các doanh nghiệp xây lắp hiện đã thu hẹp khá nhiều do sự cạnh tranh lớn không chỉ với các doanh nghiệp trong nước mà còn có các nhà thầu nước ngoài.

- Vào mùa mưa việc vận chuyển vật liệu, thiết bị, vật tư phục vụ cho thi công công trình gặp khó khăn, việc tăng giá điện, xăng dầu ít nhiều cũng ảnh hưởng đến chi phí.

- Khoản vay ngân hàng lớn, lãi phải trả cao ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Là một đơn vị kinh doanh được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải, thực hiện chế độ hạch toán toàn diện, nghiêm chỉnh chấp hành các chế độ chính sách của Nhà nước về cung ứng vật tư, máy móc thiết bị điện, vật liệu xây dựng.

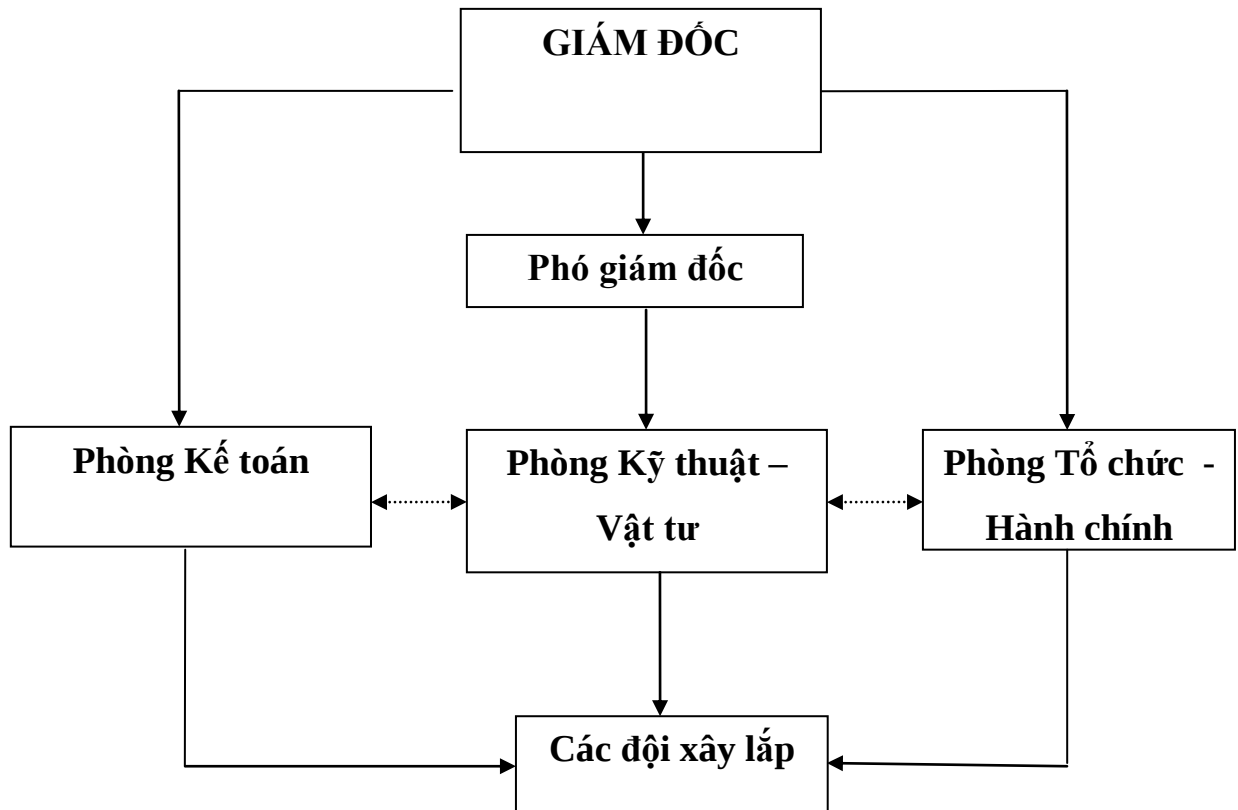
Trong giấy phép đăng ký kinh doanh, Công ty kinh doanh rất nhiều ngành nghề khác nhau cho nên tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty bị phân tán, không tập trung. Với đặc thù kinh doanh của mình Công ty buộc phải chia thành nhiều bộ phận để thuận tiện trong việc bố trí công việc và điều hành, mỗi bộ phận và mỗi người trong doanh nghiệp có chức năng và nhiệm vụ riêng đảm bảo tính khoa học và hợp lý.

2.1.4.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Duyên Hải được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng. Đứng đầu Công ty là Ban giám đốc, chỉ đạo công việc trực tuyến xuống từng phòng ban, ngoài ra các phòng ban có chức năng tham mưu cho Giám đốc điều hành công việc của Công ty. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP Xây lắp Điện Duyên Hải



(Nguồn tài liệu Phòng tổ chức hành chính Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

Ghi chú:

- ↔ Mọi quan hệ chức năng.
- Mọi quan hệ trực tuyến

2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, phòng ban

Các phòng ban trong Công ty có mối quan hệ chặt chẽ cùng nhau phối hợp hoạt động để bộ máy làm việc có hiệu quả và đưa công ty ngày càng phát triển vững mạnh.

- **Giám đốc:** là người đại diện pháp nhân của Công ty, có trách nhiệm pháp lý cao nhất của Công ty, chịu trách nhiệm lãnh đạo và điều hành sản xuất kinh doanh, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật và Công ty trong việc điều hành, quản lý của Công ty.

- **Phó Giám đốc:** Giúp việc cho giám đốc, được Giám đốc uỷ quyền khi giám đốc đi vắng, thay mặt giám đốc theo dõi trực tiếp các đơn vị sản xuất của công ty.

- **Phòng Kế toán:** Ghi chép phản ánh đầy đủ và chính xác các nghiệp vụ

kinh tế phát sinh hằng ngày. Theo dõi toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.

Phản ánh tất cả các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ và kết quả thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tìm ra những biện pháp tối ưu nhằm đưa doanh nghiệp phát triển lành mạnh, đúng hướng đạt hiệu quả cao với chi phí thấp nhất nhưng thu được kết quả cao nhất. Tăng tích lũy tái đầu tư cho doanh nghiệp, thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước.

Tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, tin học, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế theo pháp lệnh kế toán.

- **Phòng Kỹ thuật - vật tư:** Tiếp nhận quản lý hồ sơ, tài liệu, dự toán, băng vẽ thiết kế công trình.

Phân công cán bộ giám sát, theo dõi tình hình thực hiện công trình. Khi công trình hoàn thành, cán bộ kỹ thuật xác định khối lượng thực hiện và chuyển cho phòng kế toán đối chiếu, kiểm tra và quyết toán đầu tư. Theo dõi tình hình xuất, nhập vật tư. Cung cấp vật tư theo kế hoạch và tiến độ thi công. Báo cáo vật tư theo quy định.

- **Phòng tổ chức - hành chính:** Đảm nhận công tác tổ chức quản lý hành chính của Công ty như: sắp xếp tổ chức sản xuất, bố trí nhân sự, tổ chức hoạt động khoa học, quy chế trả lương, chế độ BHXH, công tác an toàn lao động...

- **Các đội xây dựng:** Có nhiệm vụ thi công xây lắp các công trình do công ty giao.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần Xây lắp Điện Duyên Hải

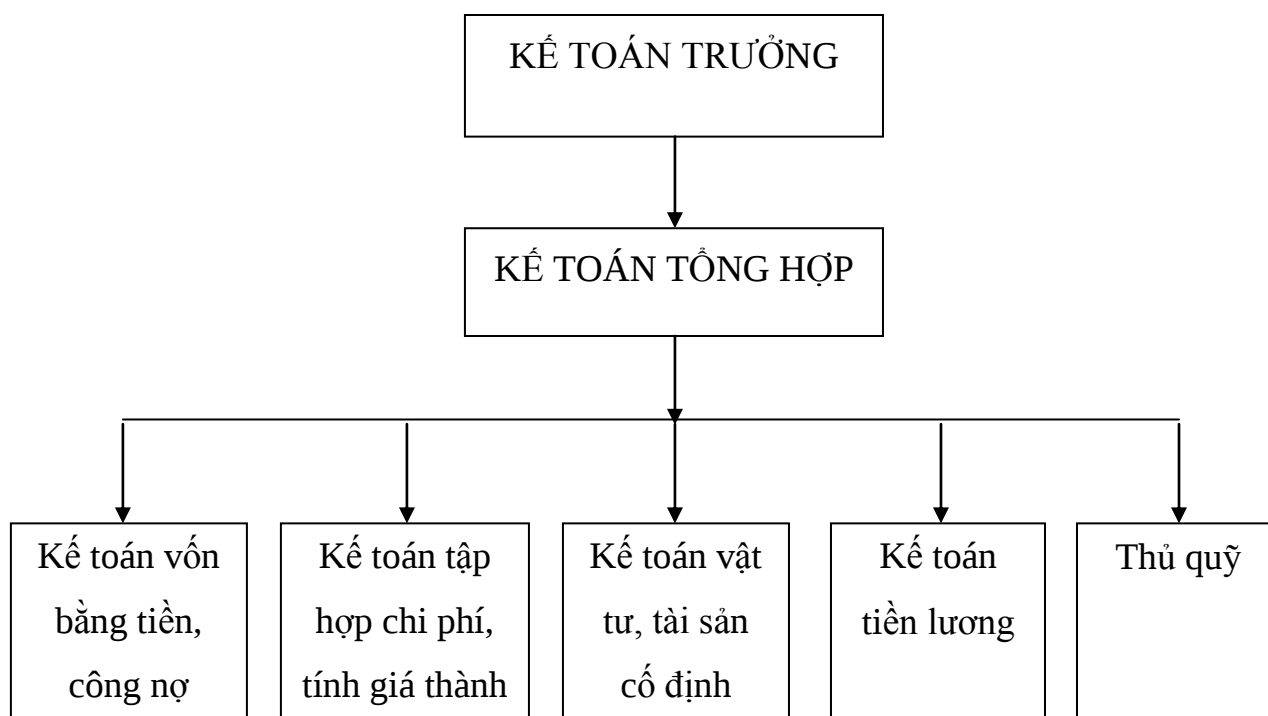
2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Duyên Hải là một chủ thể hạch toán độc lập, được tổ chức hạch toán theo đúng quy định của Nhà nước. Công ty tổ chức công tác kế toán theo mô hình tập trung. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh, ghi chép lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán và hệ thống báo cáo đều được thực hiện tại phòng kế toán của công ty.

Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải được thể hiện qua sơ đồ sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.2. Cơ cấu bộ máy kế toán của Công ty CP Xây lắp Điện Duyên Hải



(Nguồn tài liệu Phòng tổ chức hành chính Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

Ghi chú: —————> Mọi quan hệ trực tuyến.

❖ Chức năng, nhiệm vụ của từng người

- **Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp:** Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, cấp trên và Nhà nước về thông tin kế toán cung cấp, tổ chức điều hành công tác kế toán của Công ty theo đúng chuẩn mực, chế độ kế toán và quy định pháp luật.

- **Kế toán vốn bằng tiền kiêm kế toán công nợ:** có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ gốc, viết phiếu thu chi hàng tháng lập bảng kê tổng hợp séc, uỷ nhiệm chi và sổ chi tiết rồi đối chiếu với thủ quỹ, sổ phụ ngân hàng, lập kế hoạch tiền mặt gửi lên cho ngân hàng có quan hệ giao dịch. Đồng thời, phụ trách các công việc thanh toán, giao dịch của công ty với các ngân hàng mà công ty mở tài khoản (vay vốn, rút tiền, gửi tiền). Theo dõi và ghi sổ chi tiết cho từng đối tượng khách hàng và nhà cung cấp.

- **Kế toán vật tư, tài sản cố định:** Thực hiện phân loại tài sản cố định hiện có của công ty, theo dõi tình hình tăng giảm, tính khấu hao theo phương pháp tuyến tính, theo dõi các nguồn vốn và các quỹ của công ty. Đồng thời, có nhiệm vụ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp thẻ song

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

song. Cuối tháng kế toán vật tư tổng hợp số liệu, lập bảng kê theo dõi nhập, xuất, tồn.

- **Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm:** có nhiệm vụ hạch toán chi tiết các chi phí liên quan đến sản xuất sản phẩm, và tập hợp các chi phí này để tính giá thành sản phẩm.

- **Kế toán tiền lương:** hàng tháng căn cứ bảng tính lương do phòng hành chính gửi sang, kế toán tiền hành tập hợp số liệu, lập bảng tính và phân bổ tiền lương, tổng hợp thanh toán lương của công ty.

- **Thủ quỹ:** Chịu trách nhiệm về quỹ tiền mặt của công ty. Hàng ngày căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi hợp lệ để nhập, xuất quỹ, ghi sổ quỹ, cuối ngày đối chiếu với sổ quỹ của kế toán vốn bằng tiền. Lập bảng kiểm kê quỹ vào cuối tháng theo quy định.

2.1.5.2. Chính sách, chế độ kế toán áp dụng tại công ty

❖ Chính sách, chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Duyên Hải áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng: VNĐ

Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Công ty tính khấu hao TSCĐ: theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời gian sử dụng hữu ích ước tính của từng loại tài sản. Tỷ lệ khấu hao được tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT -BTC ngày 25 /04/2013 của Bộ Tài chính.

Công ty ghi nhận hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, và tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (còn gọi là phương pháp FIFO). Hàng tồn kho được đánh giá theo nguyên tắc giá gốc, với hàng hoá mua ngoài:

Giá gốc ghi sổ = giá mua ghi trên hóa đơn + chi phí thu mua + các khoản thuế không được hoàn lại – (các khoản chiết khấu thương mại + giảm giá hàng mua được hưởng)

Nguyên tắc và phương pháp quy đổi ngoại tệ theo tỷ giá của ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

❖ Tổ chức hệ thống chứng từ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Duyên Hải sử dụng hệ thống chứng từ kế toán theo quy định của Luật kế toán và Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính tuân thủ về biểu mẫu, nội dung cũng như phương pháp lập bao gồm các chứng từ cơ bản sau:

- Chứng từ về lao động tiền lương
- Chứng từ về hàng tồn kho
- Chứng từ về bán hàng
- Chứng từ về tiền tệ
- Chứng từ về tài sản cố định.

Mỗi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến hoạt động của công ty đều được lập các chứng từ kế toán hợp lệ, hợp pháp. Các chứng từ này là căn cứ để kế toán hạch toán chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết...hàng kỳ các chứng từ được đóng lại và lưu giữ cẩn thận.

❖ Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán

Hiện nay, Công ty cổ phần Xây lắp điện Duyên Hải đang áp dụng hệ thống tài khoản kế toán thống nhất áp dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ được ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính.

Ngoài hệ thống tài khoản vận hành theo quy định của Bộ Tài chính, công ty còn sử dụng thêm một số tài khoản chi tiết cấp 2, 3 theo dõi cho cùng nội dung kinh tế nhưng cho các đối tượng khác nhau.

❖ Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Hiện nay công ty đang sử dụng hình thức Chứng từ ghi sổ với hệ thống sổ sách tương đối đầy đủ bao gồm: Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, các Chứng từ ghi sổ, Sổ cái, các loại sổ tổng hợp và các loại sổ chi tiết.

❖ Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Sau khi các bộ phận kế toán tổng hợp giữa bảng kê, sổ chi tiết, sổ nhật ký chung, sổ cái kế toán tổng hợp rút ra số liệu và lên Báo cáo tài chính. Định kỳ phòng kế toán phải lập Báo cáo tài chính trình Ban Giám đốc duyệt và gửi các cơ quan ban ngành theo quy định của Nhà nước.

Hệ thống Báo cáo tài chính tại Công ty cổ phần Xây lắp điện Duyên Hải bao gồm các biểu sau:

- Mẫu số B-01/DNN: Bảng cân đối kế toán
- Mẫu số B-02/DNN: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Mẫu số B-03/DNN: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Mẫu số B-09/DNN: Bản thuyết minh báo cáo tài chính

(Báo cáo lưu chuyển tiền tệ công ty lập theo phương pháp trực tiếp).

Hệ thống báo cáo quản trị được phòng kế toán lập theo yêu cầu của Ban Giám đốc, bao gồm về các báo cáo tình hình công nợ, báo cáo doanh thu, báo cáo về chi phí, báo cáo kết quả theo từng bộ phận kinh doanh. Từ đó, Ban Giám đốc sẽ có những quyết định điều chỉnh phù hợp hoạt động kinh doanh của công ty trong môi trường kinh doanh luôn thay đổi và phức tạp.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải

❖ Đặc điểm doanh thu bán hàng của công ty

Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải là công ty chuyên xây lắp điện nên doanh thu bán hàng của công ty chủ yếu là doanh thu xây dựng công trình cấp thoát nước, lắp đặt, sửa chữa các công trình thi công xây lắp đường dây, trạm biến áp từ 35KV đến 110KV, công trình điện chiếu sáng công cộng, công trình xây dựng dân dụng, thủy lợi, ...

Do đặc thù Doanh nghiệp xây lắp theo đơn đặt hàng, hợp đồng kinh tế nên sản phẩm là các công trình thường có giá trị lớn.

Khi nhận được hợp đồng của bên nhà thầu, công ty tiến hành xây dựng lắp đặt theo điều kiện hợp đồng về thời gian thực hiện, chất lượng công trình, quy mô công trình. Sau khi hoàn thành công trình theo đúng tiến độ công ty tiến hành bàn giao công trình cho nhà thầu. Khi bên nhà thầu chấp nhận công trình, kế toán viết hóa đơn GTGT, ghi nhận doanh thu và thu tiền công trình.

Với phương thức thanh toán chủ yếu là bằng chuyển khoản. Ngoài ra còn có một số trường hợp khác khách hàng thanh toán bằng tiền mặt như: khách hàng ứng trước một phần giá trị công trình, một hạng mục công trình, hoặc các khoản thu có giá trị dưới 20.000.000 đồng,...

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01 GTKT - 3LL)
 - + Liên 1: màu tím được lưu lại quyền hóa đơn
 - + Liên 2: màu đỏ giao cho khách hàng
 - + Liên 3: màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có...
- Và các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

- Tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- Tài khoản 3331 - “Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước”
- Các tài khoản thanh toán như TK 111, TK 112, TK 131.

Và các tài khoản khác có liên quan.

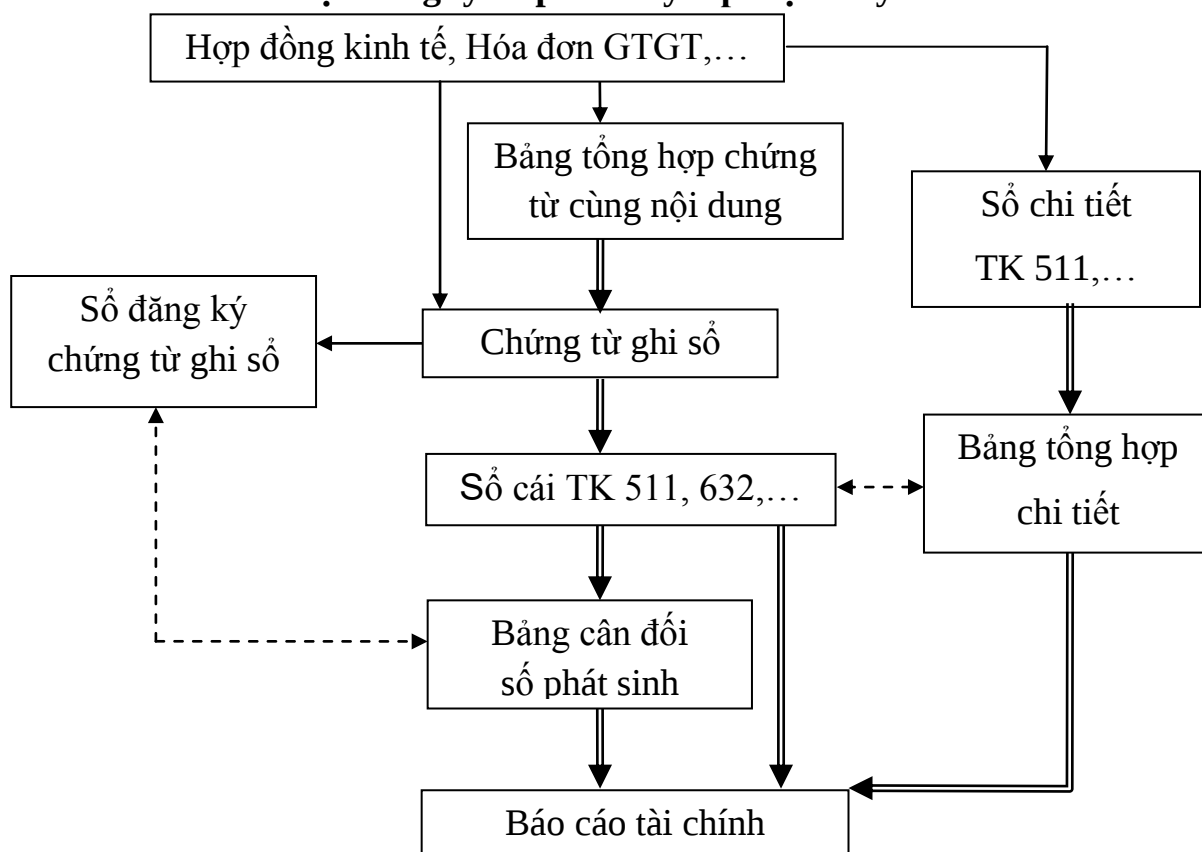
❖ Sổ sách kế toán sử dụng

- Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 511
- Và các sổ khác có liên quan.

❖ Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải được thể hiện qua sơ đồ sau đây:

**Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng
tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

<u>Ghi chú:</u>	Ghi hàng ngày:	————→
	Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ):	====→
	Đối chiếu, kiểm tra:	←-----→

- Hàng ngày, từ các chứng từ kế toán gốc như Hợp đồng kế toán, Hóa đơn GTGT, Phiếu thu, Giấy báo có,... đã kiểm tra kế toán ghi vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung, đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết.

- Cuối tháng, căn cứ vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung, kế toán lập các Chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ ghi vào sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 511, 131, ... và các tài khoản khác có liên quan. Đồng thời, kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ thẻ kế toán chi tiết để lập Bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó, tiến hành đối chiếu kiểm tra số liệu giữa Sổ cái với Bảng tổng hợp chi tiết.

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, và tiến hành đối chiếu kiểm tra số liệu giữa Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với Bảng cân đối số phát sinh. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu từ Bảng cân đối số phát sinh, sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết để lập Báo cáo tài chính.

❖ Ví dụ minh họa

- Ngày 25/10/2013, Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải kí hợp đồng kinh tế với Công ty cổ phần Trì An về lắp đặt công trình cấp thoát nước Trì An, trị giá hợp đồng là 142.500.000 đồng (giá chưa có thuế GTGT 10%).

- Ngày 03/12/2013, Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải bàn giao công trình cấp thoát nước Trì An cho Công ty cổ phần Trì An.

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế ngày 25/10/2013 (biểu số 2.1), kế toán viết Hóa đơn GTGT số 0032052 (biểu số 2.3). Sau đó, kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung (biểu số 2.4). Cuối tháng, từ bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung, kế toán phản ánh vào Chứng từ ghi sổ (biểu số 2.5). Sau đó, từ Chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ (biểu số 2.6).

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để phản ánh vào Sổ cái tài khoản 511 (biểu số 2.7). Từ sổ cái, kế toán tổng hợp số liệu để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1. Hợp đồng kinh tế số 210/HĐKT2013

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG GIAO NHẬN THẦU XÂY LẮP CÔNG TRÌNH CẤP THOÁT NƯỚC TRÌ AN

Hợp đồng số: 210 / HĐTK2013

Ngày 25 tháng 10 năm 2013

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự số 33/2005/QHH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ nghị định số 16/NĐCP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý và xây dựng công trình;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay ngày 25 tháng 10 năm 2013 tại Mỹ Đồng, Thủy Nguyên, Hải Phòng, Chúng tôi gồm:

Bên giao thầu (gọi tắt là Bên A): Công ty cổ phần Trì An

- Tên doanh nghiệp : Công ty cổ phần Trì An
- Đại diện : Ông Trần Minh Đức Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ trụ sở chính: Mỹ Đồng, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Điện thoại: 0313.235625
- Tài khoản số: 102010020264585
- Tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, CN Thủy Nguyên, Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0200442069

Bên nhận thầu (gọi tắt là Bên B): Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải

- Tên doanh nghiệp : Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải
- Đại diện : Ông Nguyễn Văn Tới Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 163 Nguyễn Đức Cảnh, Cát Dài, Lê Chân, Hải Phòng
- Điện thoại: 0313.860099
- Tài khoản số: 10910901785011
- Tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, CN Lê Chân, Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0200571593
-

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Điều 1: Khối lượng và tiến độ công trình

1. Tên Công trình: Công trình cấp thoát nước Trì An
2. Địa điểm xây dựng công trình: Mỹ Đồng, Thủy Nguyên, Hải Phòng.
3. Tiến độ thi công:
 - Ngày thi công: Ngày 27 tháng 10 năm 2013
 - Ngày hoàn thành: Ngày 03 tháng 12 năm 2013

Điều 2: Chất lượng công trình

1. Bên B phải chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật và chất lượng xây lắp toàn bộ công trình, bảo đảm thi công theo thiết kế phù hợp với dự toán đã được duyệt, đúng quy trình, quy phạm, yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật trong xây dựng.
2. Bên A có trách nhiệm cử người giám sát tại công trình để theo dõi chất lượng vật liệu, cấu kiện bên tông, chất lượng xây lắp, nếu thấy phần nào chưa được bảo đảm thì yêu cầu bên B làm lại. Bên A có trách nhiệm xác nhận công tác phát sinh để làm cơ sở cho việc nghiệm thu và thanh toán. Bên A xét thấy xây lắp không đạt yêu cầu được quyền không ký vào biên bản nghiệm thu hoặc chưa nhận bàn giao.
3. Khi bên B muốn thay đổi loại vật liệu xây lắp nào hoặc thay đổi phần thiết kế nào đều phải được sự chấp thuận của bên A và cơ quan thiết kế.
4. Bên B có trách nhiệm bảo hành chất lượng công trình trong thời gian là 01 năm.

Điều 3: Các điều kiện đảm bảo thực hiện hợp đồng

1. Trách nhiệm của bên A
 - Bàn giao mặt bằng công trình.
 - Giao tim, mốc công trình theo yêu cầu của tổng tiến độ.
 - Bàn giao mọi hồ sơ, tài liệu cần thiết cho bên B.
 - Bàn giao vật tư, thiết bị cho bên B tại địa điểm Mỹ Đồng, Thủy Nguyên, Hải Phòng.
2. Trách nhiệm của bên B
 - Quản lý thống nhất mặt bằng xây dựng sau khi được giao.
 - Tổ chức bảo vệ an ninh trật tự và an toàn lao động bên công trình.
 - Tiếp nhận bảo quản các loại tài liệu, vật tư, kỹ thuật được bên A giao.

Điều 4: Trị giá công xây lắp

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1. Trị giá hợp đồng căn cứ vào dự toán được duyệt là 142.500.000 đồng (chưa thuế VAT 10%).
2. Trong quá trình thực hiện nếu có quy định mới của nhà nước ban hành thì phân trị giá công xây lắp được điều chỉnh theo.

Điều 5: Nghiệm thu và bàn giao công trình

1. Bên A có trách nhiệm thành lập và chủ trì hội đồng nghiệm thu theo quy định của Nhà nước (có lập biên bản ghi rõ thành phần).
2. Bên B có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện cần thiết để nghiệm thu.
3. Sau khi thực hiện xong việc nghiệm thu bên B có trách nhiệm bàn giao công trình cấp thoát nước Trì An cùng với hồ sơ hoàn thành công trình cho bên A vào ngày 03 tháng 12 năm 2013. Bên A có trách nhiệm nộp lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định về lưu trữ tài liệu của Nhà nước.

Điều 6: Phương thức thanh toán

1. Bên A tạm ứng cho bên B 30% giá trị hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng theo hình thức chuyển khoản.
2. Bên A thanh toán cho bên B trên cơ sở hồ sơ thiết kế đã duyệt và bản nghiệm thu công trình theo hình thức chuyển khoản 70 % giá trị hợp đồng còn lại qua ngân hàng trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký thanh lý hợp đồng và Bên A nhận được hóa đơn tài chính. Nếu chậm thanh toán bên B được tính lãi suất ngân hàng trên số tiền bên A nợ.

Điều 7: Quy trình về thưởng phạt

1. Nếu bên B hoàn thành công trình trước thời hạn từ 1 / 2 tháng trở lên, đảm bảo chất lượng thì công sẽ được bên A thưởng 02 % theo giá trị công trình.
2. Nếu bên B không hoàn thành công trình đúng thời hạn hợp đồng do nguyên nhân chủ quan thì bị phạt 02 % giá trị hợp đồng.
3. Nếu bên B không bảo đảm chất lượng xây lắp phải chịu bù đắp mọi tổn thất do việc sửa chữa lại và phải chịu phạt 05 % giá trị dự toán phần không đảm bảo chất lượng.

Điều 9: Thủ tục giải quyết tranh chấp lao động

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng này.
2. Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh các bên phải kịp thời báo cho nhau biết

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

và chủ động thương lượng giải quyết bảo đảm hai bên cùng có lợi (có lập biên bản).

Điều 10: Hiệu lực của hợp đồng

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2013 đến ngày 03 tháng 12 năm 2013.
2. Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý hợp đồng vào ngày 03 tháng 12 năm 2013. Bên A có trách nhiệm tổ chức cuộc thanh lý.
3. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Chức vụ
(Ký tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

ĐẠI DIỆN BÊN B

Chức vụ
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2. Biên bản thanh lý Hợp đồng kinh tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Số: 105/TLHD

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 210 /HĐKT2013 ngày 25 tháng 10 năm 2013 được ký kết giữa Công ty cổ phần Trì An và Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải.

Căn cứ biên bản nghiệm thu ngày 03 tháng 12 năm 2013.

Hôm nay, ngày 03 tháng 12 năm 2013 tại Mỹ Đồng, Thủy Nguyên, Hải Phòng. Chúng tôi gồm:

Bên giao thầu (gọi tắt là Bên A): Công ty cổ phần Trì An

- Tên doanh nghiệp : Công ty cổ phần Trì An
- Đại diện : Ông Trần Minh Đức Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ trụ sở chính: Mỹ Đồng, Thủy Nguyên, Hải Phòng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Điện thoại: 0313.235625
- Tài khoản số: 102010020264585
- Tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, CN Thủy Nguyên, Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0200442069

Bên nhận thầu (gọi tắt là Bên B): Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải

- Tên doanh nghiệp : Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải
- Đại diện : Ông Nguyễn Văn Tới Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 163 Nguyễn Đức Cảnh, Cát Dài, Lê Chân, Hải Phòng
- Điện thoại: 0313.860099
- Tài khoản số: 10910901785011
- Tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, CN Lê Chân, Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0200571593

Hai bên cùng nhau thống nhất thanh lý hợp đồng kinh tế số 210/HĐKT2013 về việc bên B thi công lắp đặt công trình: “*Cấp thoát nước Trì An*”, Bên A thanh toán số tiền như ký kết trong hợp đồng cho bên B cụ thể:

+ **Tổng giá trị thanh toán:** 156.750.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng.

Trong đó:

+ Tổng giá trị công trình: 142.500.000 đồng

+ Thuế VAT 10%: 14.250.000 đồng

Hai bên nhất trí thanh lý hợp đồng đã ký ngày 25/10/2013. Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Chức vụ

(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

Chức vụ

(Ký tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3. Hóa đơn GTGT số 0032052

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/13P			
Liên 3: (Lưu nội bộ)		Số: 0032052			
Ngày 03 tháng 12 năm 2013					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải					
Địa chỉ: Số 163 Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – Hải Phòng					
Số tài khoản: 10910901785011					
Điện Thoại: 0313.860099			MST: 0200571593		
Họ tên người mua hàng:					
Đơn vị: Công ty cổ phần Trì An					
Địa chỉ: Mỹ Đồng, Thủy Nguyên, Hải Phòng					
Số tài khoản: 102010020264585					
Điện Thoại: 0313.235625			MST: 0200442069		
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản					
STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Công trình cấp thoát nước Trì An		01	142.500.000	142.500.000
Cộng tiền hàng					142.500.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		14.250.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					156.750.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4. Trích bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Số 163 Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Nội dung: Phải thu khách hàng

Số hiệu: TH05/12

Tháng 12 năm 2013

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 131 ghi có các TK		Cộng
SH	NT		511	3331	
...	...	...	...	...	...
<i>HĐ 0032052</i>	<i>03/12</i>	<i>Doanh thu xây lắp công trình Trì An</i>	<i>142.500.000</i>	<i>14.250.000</i>	<i>156.750.000</i>
HĐ 0032053	05/12	Doanh thu bán thiết bị lắp đặt điện	37.750.000	3.775.000	41.525.000
HĐ 0032054	06/12	Doanh thu công trình đài phun nước	35.815.400	3.581.540	39.396.940
HĐ 0032056	07/12	Doanh thu lắp hệ thống điện Hòa Phát	45.725.000	4.572.500	50.297.500
HĐ 0032057	09/12	Doanh thu công trình Đê Tả Lạch Tray	544.784.076	54.478.407	599.262.483
...	...	...	...	...	...
		Cộng	13.142.067.500	1.314.206.750	14.456.274.250

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.5. Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số S02a - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 10/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chứng từ		Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
SH	NT		Nợ	Có		
TH05/12		Phải thu khách hàng T12/2013	131			
		Doanh thu bán hàng		511	13.142.067.500	
		Thuế GTGT phải nộp		3331	1.314.206.750	
		Cộng	x	x	14.456.274.250	

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.6. Trích Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số S02b - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2013

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...	...	...
02/12	31/12	1.977.083.012
03/12	31/12	29.013.172.890
04/12	31/12	15.346.092.156
...	...	...
08/12	31/12	3.150.464.387
09/12	31/12	11.701.343.152
10/12	31/12	14.456.274.250
11/12	31/12	12.033.147.050
...	...	...
47/12	31/12	102.774.446.324
48/12	31/12	102.774.446.324
Cộng		1.515.194.562.144

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.7. Trích Sổ cái TK 511

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số S02c1 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			SDDK			
			SPS trong kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
30/11	09/11	30/11	Phải thu khách hàng T11/2013	131		12.205.673.435
31/12	10/12	31/12	Phải thu khách hàng T12/2013	131		13.142.067.500
31/12	PKT 87/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và dịch vụ	911	101.069.433.508	
			Cộng SPS		101.069.433.508	101.069.433.508
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty

Hiện nay, tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải không có các khoản giảm trừ doanh thu, do các nguyên nhân sau:

- Công ty không có chính sách chiết khấu thương mại hay giảm giá hàng bán cho khách hàng.
- Sản phẩm của công ty là các công trình xây dựng lắp đặt theo hợp đồng kinh tế, các công trình thường có giá trị lớn.
- Trước khi thực hiện thanh lý hợp đồng xây lắp công trình còn thông qua khâu kiểm định chất lượng, ... và bảo hành.

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải

Giá vốn hàng bán dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Giá thành của công trình hoàn thành bao gồm toàn bộ các chi phí để xây dựng lên công trình đó, bao gồm: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung tính cho công trình hoàn thành.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu chi, Phiếu xuất kho
- Bảng phân bổ tiền lương và Bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Hóa đơn GTGT
- Và các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

- Tài khoản 632 - “Giá vốn hàng bán”
- Và các tài khoản khác có liên quan.

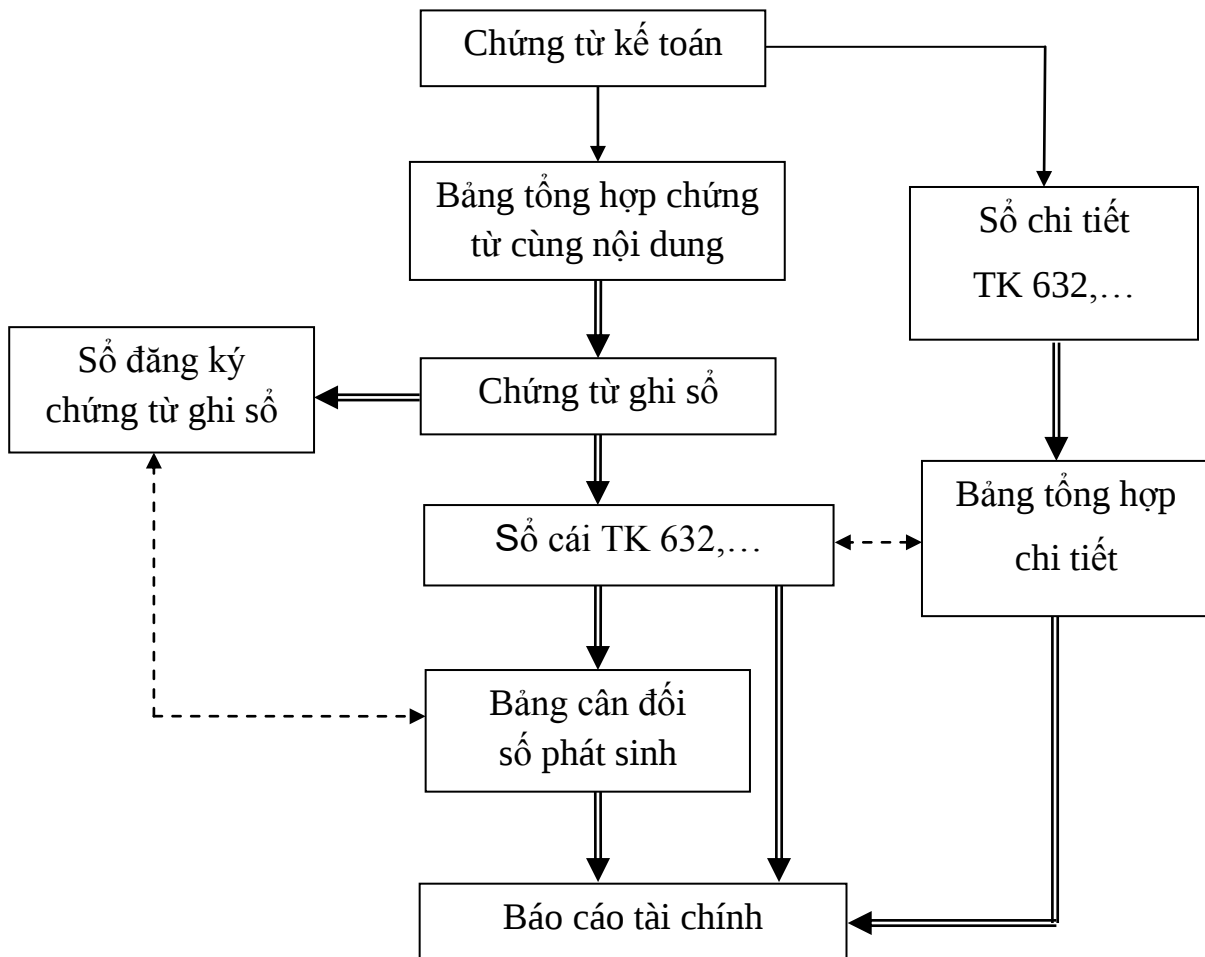
❖ Sổ sách kế toán sử dụng

- Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 632
- Và các sổ khác có liên quan.

❖ Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải được thể hiện qua sơ đồ sau đây:

Sơ đồ 2.5. Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải



Ghi chú:

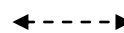
Ghi hàng ngày:



Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ):



Đối chiếu, kiểm tra:



(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, và tiến hành đối chiếu kiểm tra số liệu giữa Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với Bảng cân đối số phát sinh. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu từ Bảng cân đối số phát sinh, sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết để lập Báo cáo tài chính.

❖ Ví dụ minh họa

Ngày 03/12/2013, Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải bàn giao công trình cấp thoát nước Trì An cho Công ty cổ phần Trì An. Trị giá hợp đồng là

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

142.500.000 đồng (chưa có thuế VAT 10%). Kế toán tính giá thành để xác định giá vốn hàng bán của công trình là 120.870.800 đồng.

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 015/12 về tính giá vốn của Công trình cấp thoát nước Trì An (biểu số 2.8), kế toán vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung (biểu số 2.9). Cuối tháng, căn cứ vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung để lập Chứng từ ghi sổ (biểu số 2.10). Sau đó, căn cứ vào Chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ (biểu số 2.11).

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để phản ánh vào Sổ cái tài khoản 632 (biểu số 2.12). Từ sổ cái, kế toán tổng hợp số liệu để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.8. Phiếu kế toán

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Tháng 12 năm 2013

Số hiệu: 10/12 - Công trình cấp thoát nước Trì An

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển giá vốn Công trình cấp thoát nước Trì An	632	154	120.870.800
Cộng	x	x	120.870.800

Ngày 03 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.9. Trích bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Số 163 Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Nội dung: Tập hợp giá vốn hàng bán

Số hiệu: TH06/12

Tháng 12 năm 2013

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 632 ghi có các TK			Cộng
SH	NT		154	156	...	
...	...	...	...	...	...	
PKT10/12	03/12	Giá vốn xây lắp công trình Trì An	120.870.800			120.870.800
PXK06/12	05/12	Giá vốn bán thiết bị lắp đặt điện		28.185.500		28.185.500
PKT11/12	06/12	Giá vốn công trình đài phun nước	29.987.100			29.987.100
PKT12/12	07/12	Giá vốn lắp hệ thống điện Hòa Phát	40.013.727			40.013.727
PKT13/12	09/12	Giá vốn công trình Đê Tả LTray	399.753.050			399.753.050
...	...	...	...	...	...	
		Cộng	9.916.041.980	2.117.105.070		12.033.147.050

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.10. Trích Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số S02a - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 11/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chứng từ		Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
SH	NT		Nợ	Có		
TH06/12		Tập hợp giá vốn hàng bán T12/2013	632			
		Chi phí SXKD dở dang		154	9.916.041.980	
		Hàng hóa		156	2.117.105.070	
		Cộng	x	x	12.033.147.050	

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.11. Trích Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số S02b - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2013

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...	...	...
02/12	31/12	1.977.083.012
03/12	31/12	29.013.172.890
04/12	31/12	15.346.092.156
...	...	...
08/12	31/12	3.150.464.387
09/12	31/12	11.701.343.152
10/12	31/12	14.456.274.250
11/12	31/12	12.033.147.050
...	...	...
47/12	31/12	102.774.446.324
48/12	31/12	102.774.446.324
Cộng		1.515.194.562.144

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.12. Trích Sổ cái TK 632

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số S02c1 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			SDDK			
			SPS trong kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
30/11	10/11	30/11	Giá vốn hàng bán T11/2013	154	9.989.120.347	
31/12	11/12	31/12	Giá vốn hàng bán T12/2013	154	9.916.041.980	
				156	2.117.105.070	
31/12	PKT 88/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		87.093.155.693
			Cộng SPS		87.093.155.693	87.093.155.693
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải

Chi phí quản lý kinh doanh là các khoản chi phí phục vụ cho nhu cầu quản lý doanh nghiệp.

Đối với Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải, chi phí quản lý doanh nghiệp thường bao gồm: chi phí bảo hành công trình, chi phí tiền lương của nhân viên quản lý, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí đồ dùng văn phòng, thuế phí và lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác như tiền điện, nước, điện thoại, ...

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương và Bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi, Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 642 - “Chi phí quản lý kinh doanh”
- Các tài khoản khác có liên quan: TK 111, 112, 131...

❖ Sổ sách kế toán sử dụng

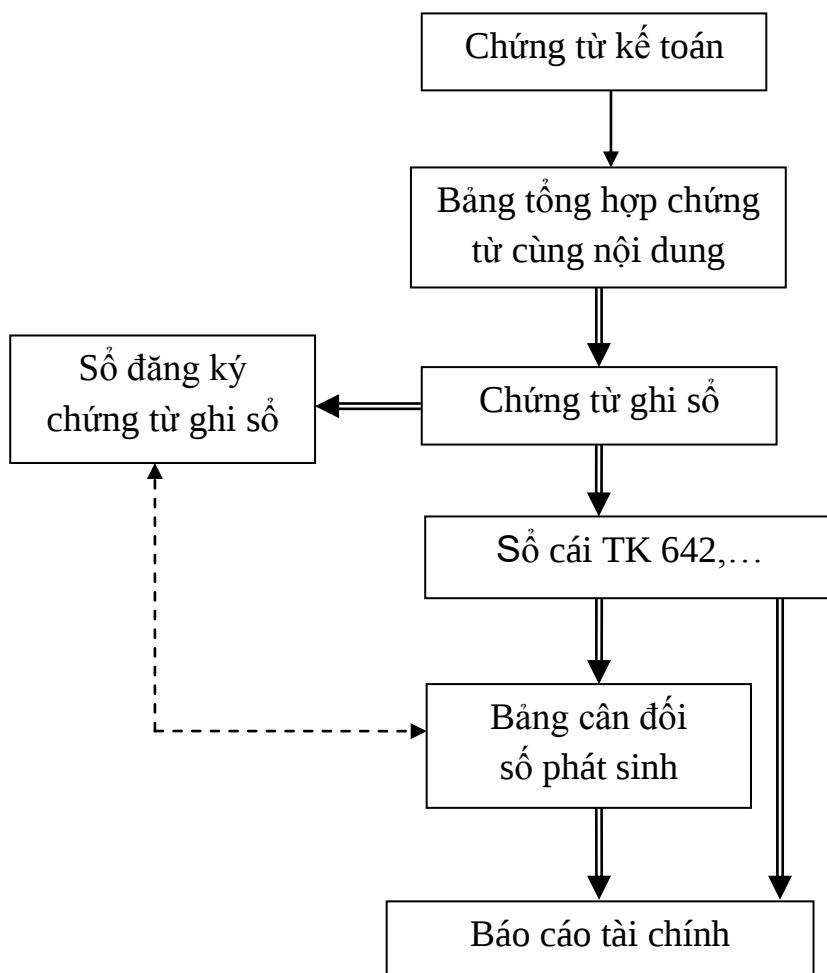
- Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 642
- Và các sổ khác có liên quan.

❖ Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải được thể hiện qua sơ đồ sau đây:

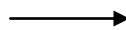
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.6. Trình tự ghi sổ kế toán Chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải

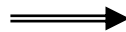


Ghi chú:

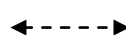
Ghi hàng ngày:



Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ):



Đối chiếu, kiểm tra:



(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

- Hàng ngày, từ các chứng từ kế toán gốc như Hóa đơn GTGT, Phiếu chi, Phiếu xuất kho,... kế toán vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung.

- Cuối tháng, căn cứ vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung, kế toán lập các Chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ ghi vào sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 642... và các tài khoản khác có liên quan.

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, và tiến hành đối chiếu kiểm tra số liệu giữa Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với Bảng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

cân đối số phát sinh. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu từ Bảng cân đối số phát sinh, sổ cái để lập Báo cáo tài chính.

❖ Ví dụ minh họa

Ngày 15/12/2013, Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải thanh toán tiền cước phí viễn thông tháng 11/2013 cho Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam bằng tiền mặt với tổng số tiền thanh toán là 857.500 đồng.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0268582 (biểu số 2.13), kế toán viết Phiếu chi số 28/12 (biểu số 2.14) để thanh toán cho nhà cung cấp. Sau đó, căn cứ vào Hóa đơn GTGT và phiếu chi, kế toán vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung (biểu số 2.15). Cuối tháng, căn cứ vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung để lập Chứng từ ghi sổ (biểu số 2.16). Từ Chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ (tập hợp ở biểu số 2.30)

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để phản ánh vào Sổ cái tài khoản 642 (biểu số 2.17). Từ sổ cái, kế toán tổng hợp số liệu để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.13. Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG Liên 2: Giao khách hàng <i>Ngày 15 tháng 12 năm 2013</i>	Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/13P Số: 2685825				
Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam VNPT Mã số: 0200287977022 TT dịch vụ khách hàng – VTHP – số 4, Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Xây lắp điện Duyên Hải Địa chỉ: 163 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng Điện thoại: 3.8600994 MS: HPG-03-459305 Hình thức thanh toán: Tiền mặt					
STT	Dịch vụ sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	KỲ HÓA ĐƠN THÁNG 11/2013				
	a. Cước dịch vụ viễn thông				799.545
	b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c. Chiết khấu đa dịch vụ				-20.000
	d. Khuyến mãi				0
	e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				0
Cộng tiền dịch vụ(1)					779.545
Thuế suất GTGT: 10% x (1) Tiền thuế GTGT(2)					77.955
Tổng cộng tiền thanh toán (1)+(2)					857.500
Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng./</i>					
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.14. Phiếu chi số 28/12

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số 02 – TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Quyển số: 14

Số: 38/12

Nợ TK642: 779.545

Nợ: TK133: 77.955

Có: TK111: 857.500

Họ và tên người nhận tiền: Lý Lan Phương

Địa chỉ: Bộ phận văn phòng

Lý do chi: Thanh toán cước viễn thông tháng 11/2013

Số tiền: 857.500

Viết bằng chữ: *Tám trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng./*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Đã nhận đủ số tiền: Tám trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng./

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):

Số tiền quy đổi:

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký,họ tên,đóng dấu)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.15. Trích bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Số 163 Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Nội dung: Chi tiền mặt

Số hiệu: TH02/12

Tháng 12 năm 2013

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 111 ghi nợ các TK						Cộng có TK111
SH	NT		112	152	133	141	642	...	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
PC36/12	13/12	Xuất quỹ gửi NH	100.000.000						100.000.000
PC37/12	14/12	Chi tiền mua NVL		13.200.000	1.320.000				17.424.000
PC38/12	15/12	Thanh toán cước VT			77.955		779.545		857.500
PC39/12	15/12	Chi tiền tạm ứng NV đi công tác				4.000.000			4.000.000
PC40/12	16/12	Chi mua đồ dùng VP			311.500		3.115.000		3.426.500
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng	180.500.000	201.071.300	29.135.677	16.370.000	31.091.575		1.977.083.012

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.16. Trích Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số S02a – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 02/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chứng từ		Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
SH	NT		Nợ	Có		
TH02/12		Chi tiền mặt T12/2013		111		
		Tiền gửi ngân hàng	112		180.500.000	
		Nguyên vật liệu	152		201.071.300	
		Thuế GTGT được khấu trừ	133		29.135.677	
		Tạm ứng	141		16.370.000	
		Chi phí quản lý kinh doanh	642		31.091.575	
...		...	...	...	...	
		Cộng	x	x	1.977.083.012	

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.17. Trích Sổ cái TK 642

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số S02c1 – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			SDDK			
			SPS trong kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/12	02/12	31/12	Chi phí QLKD bằng tiền mặt trong T12	111	31.091.575	
31/12	04/12	31/12	Chi phí QLKD bằng tiền gửi ngân hàng T12	112	60.134.727	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	19/12	31/12	Chi phí khấu hao TSCĐ bp QLKD T12	214	81.029.333	
31/12	PKT 88/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	911		11.090.437.633
			Cộng SPS		11.090.437.633	11.090.437.633
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

2.2.5. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải

2.2.5.1. Doanh thu hoạt động tài chính tại công ty

Đối với Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải, doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu báo có của ngân hàng gửi đến.
- Phiếu thu.
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 - “Doanh thu hoạt động tài chính”
- Các tài khoản khác có liên quan: TK 111, 112, ...

❖ Sổ sách kế toán sử dụng

- Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK515
- Và các sổ khác có liên quan.

❖ Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty

- Hàng ngày, từ các chứng từ kế toán gốc như Phiếu thu, Phiếu báo có, ... kế toán vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung.

- Cuối tháng, căn cứ vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung, kế toán lập các Chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ ghi vào sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 515... và các tài khoản khác có liên quan.

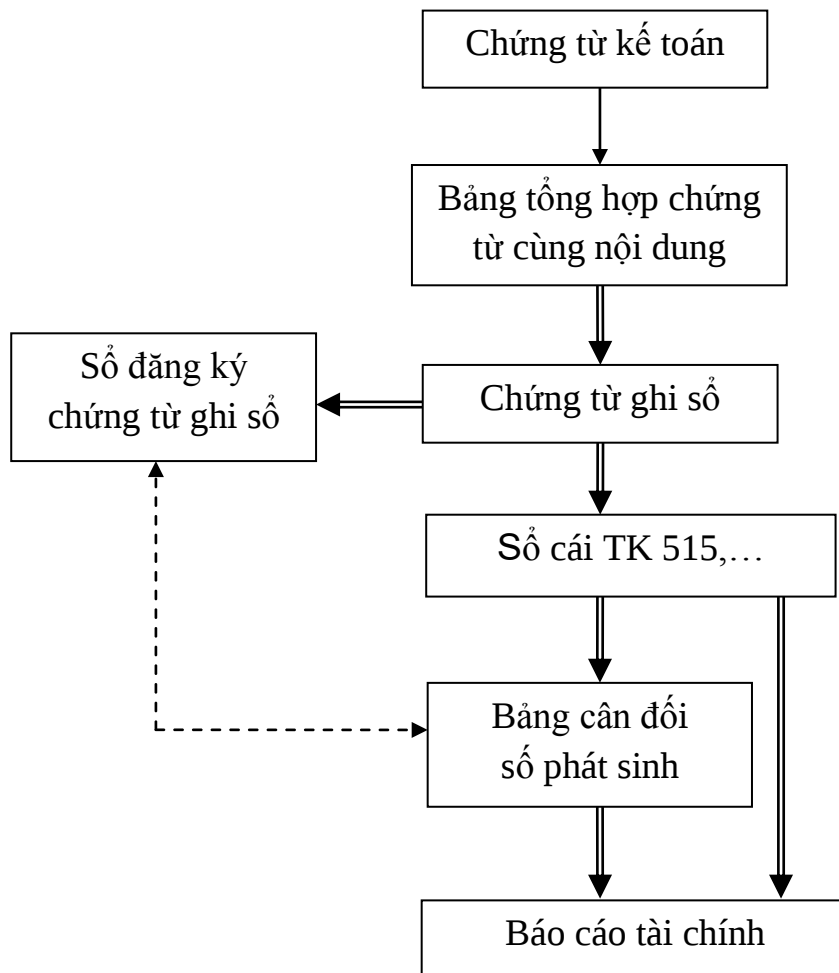
- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, và tiến hành đối chiếu kiểm tra số liệu giữa Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với Bảng cân đối số phát sinh. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu từ Bảng cân đối số phát sinh, sổ cái để lập Báo cáo tài chính.

❖ Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải được thể hiện qua sơ đồ sau đây:

Sơ đồ 2.7. Trình tự ghi sổ kế toán Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

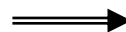


Ghi chú:

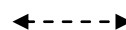
Ghi hàng ngày:



Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ):



Đối chiếu, kiểm tra:



(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

❖ Ví dụ minh họa

Ngày 31/12/2013, Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải nhận lãi tiền gửi tháng 12/2013 của ngân hàng Techcombank, với số tiền là 4.197.054 đồng.

Căn cứ vào Phiếu báo có số 253 (biểu số 2.18), kế toán vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung (biểu số 2.19). Cuối tháng, căn cứ vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung để lập Chứng từ ghi sổ (biểu số 2.20). Từ Chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ (biểu số 2.30).

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để phản ánh vào Sổ cái tài khoản 515 (biểu số 2.21). Từ sổ cái, kế toán tổng hợp số liệu để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.18. Phiếu báo có số 153

NGÂN HÀNG TMCP KỸ
THƯƠNG VIỆT NAM
Chi nhánh: HPG - TCB HP
MST: 0100230800-004



Theo công văn số
21208/CT/AC
Số: 253

PHIẾU BÁO CÓ

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Số tài khoản: 10910901785011

Địa chỉ: Số 163 Nguyễn Đức Cảnh, Cát Dài, Lê Chân, Hải Phòng

Mã số thuế: 0200571593

Loại tiền: VND

Số ID khách hàng : 10901785

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Số bút toán hạch toán: LD1227690530;11

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Lãi tiền gửi tại ngân hàng Techcombank (LD-IN)	4.197.054
Tổng số tiền	4.197.054

Số tiền bằng chữ: Bốn triệu một trăm chín mươi bảy nghìn không trăm năm mươi bốn VND./

Trích yếu : Lãi tiền gửi tại ngân hàng Techcombank (LD-IN)

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.19. Trích bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Số 163 Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Nội dung: Thu tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: TH03/12

Tháng 12 năm 2013

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 112 ghi có các TK				Cộng
SH	NT		131	511	515	...	
...	...	...	...	...	...	...	
PBC251	27/12	Chiết khấu thanh toán được hưởng			6.323.100		6.323.100
PBC252	29/12	Thu tiền nợ Công ty Thành Tô	70.012.724				70.012.724
PBC253	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng Techcombank			4.197.054		4.197.054
PBC254	31/12	Thu tiền công trình lắp điện Hải An		137.894.026			151.683.428
...	...	...	...	...	...	...	
		Cộng	13.302.934.080	10.394.076.124	55.943.280		29.013.172.890

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.20. Trích Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số S02a – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 03/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chứng từ		Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
SH	NT		Nợ	Có		
TH03/12		Thu TGNH T12/2013	112			
		Phải thu khách hàng		131	13.302.934.080	
		Doanh thu bán hàng		511	10.394.076.124	
		Doanh thu tài chính		515	55.943.280	
...		...	...	...	...	
		Cộng	x	x	29.013.172.890	

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.21. Trích Sổ cái TK 515

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số S02c1 – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			SĐDK			
			SPS trong kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/12	01/12	31/12	DTTC bằng tiền mặt T12	111		60.032.457
31/12	03/12	31/12	DT tài chính bằng tiền gửi ngân hàng T12	112		55.943.280
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 87/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	1.705.012.816	
			Cộng SPS		1.705.012.816	1.705.012.816
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

2.2.5.2. Chi phí hoạt động tài chính tại công ty

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ chi phí liên quan đến vốn và hoạt động tài chính bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ từ hoạt động góp vốn liên doanh...

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu báo nợ của ngân hàng gửi đến.
- Phiếu chi.
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 635 - “Chi phí tài chính”
- Các tài khoản khác có liên quan: TK 111, 112, ...

❖ Sổ sách kế toán sử dụng

- Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 635
- Và các sổ khác có liên quan.

❖ Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính tại công ty

- Hàng ngày, từ các chứng từ kế toán gốc như Phiếu chi, Giấy báo nợ,... kế toán vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung.

- Cuối tháng, căn cứ vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung, kế toán lập các Chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ ghi vào sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 635... và các tài khoản khác có liên quan.

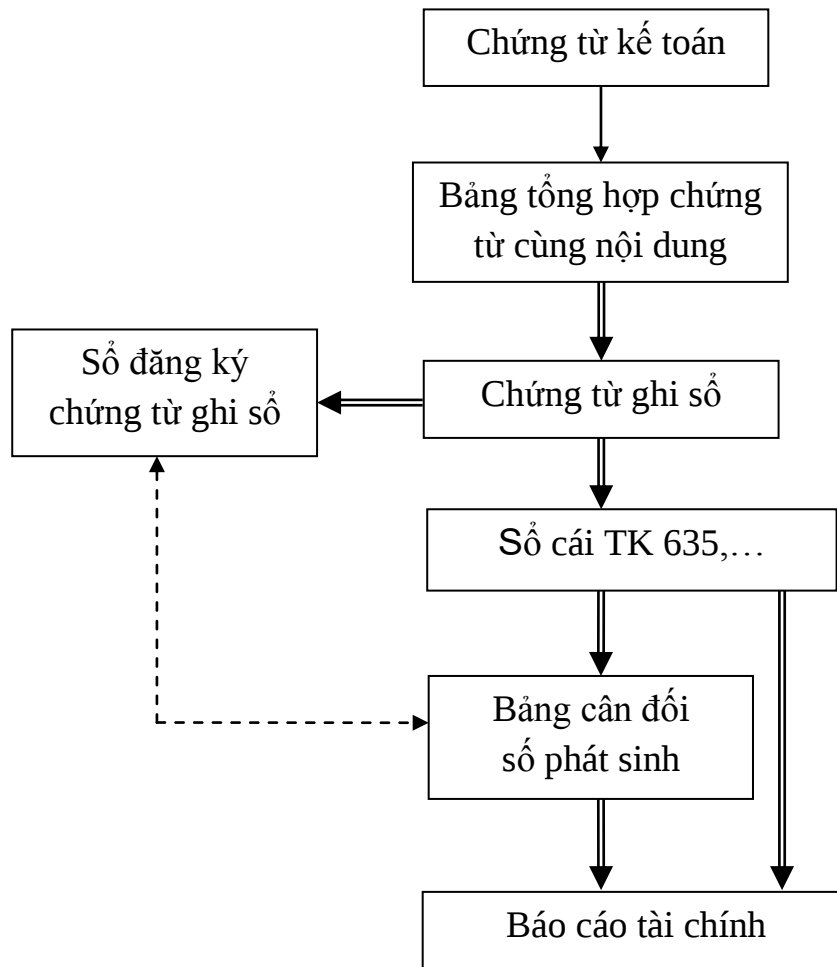
- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, và tiến hành đối chiếu kiểm tra số liệu giữa Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với Bảng cân đối số phát sinh. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu từ Bảng cân đối số phát sinh, sổ cái để lập Báo cáo tài chính.

❖ Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải được thể hiện qua sơ đồ sau đây:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.8. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải

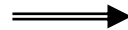


Ghi chú:

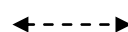
Ghi hàng ngày:



Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ):



Đối chiếu, kiểm tra:



(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

❖ Ví dụ minh họa

Ngày 28/12/2013, Ngân hàng Quốc tế gửi Phiếu báo nợ thông báo thu tiền lãi vay tháng 12, với số tiền là 8.087.569 đồng.

Căn cứ vào Phiếu báo nợ số 60 (biểu số 2.22), kế toán vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung (biểu số 2.23). Cuối tháng, căn cứ vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung để lập Chứng từ ghi sổ (biểu số 2.24). Từ Chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ (biểu số 2.30).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để phản ánh vào Sổ cái tài khoản 635 (biểu số 2.25). Từ sổ cái, kế toán tổng hợp số liệu để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.22. Phiếu báo nợ số 30

 Ngân hàng Quốc Tế	PHIẾU BÁO NỢ RECEIPT ADVICE	Số (Seq. No./Ref No.): CL- 00060 Ngày (date): 28/12/2013 Giờ (time): 22:56:55
Chi nhánh (Branch name): 009		
Mã số thuế (Tax code): 0100233488-002		
Tên khách hàng (Client Name): Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải		Số hợp đồng: 0000450263 (Loan No)
Mã khách hàng (Client No): 00176110		
Mã số thuế (Tax Code): 0200171429		
Tài khoản ghi Nợ (Debit account): 009704060021728		Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải
Số tiền lãi (Interest): 8.087.569 VND		Tran Seq No: 1003954476
Số tiền bằng chữ (Amount in word): Mười triệu bốn trăm mười năm ngàn không trăm năm mươi hai đồng. (Eight Million Eighty-Seven Thousand Five Hundred Sixty-Nine) VND.		
Nội dung (Narrative): Trả tiền lãi tháng 12 của Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải.		
GIAO DỊCH VIÊN/NV NGHIỆP VỤ User ID EOD 5224		KIỂM SOÁT Supervisor

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.23. Trích bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Số 163 Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Nội dung: Chi tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: TH04/12

Tháng 12 năm 2013

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 112 ghi có các TK				Cộng
SH	NT		331	635	642	...	
...	...	...	...	...	...	...	...
PBN59	27/12	Trả nợ Công ty Điện Quang	68.500.000				68.500.000
PBN60	28/12	Trả lãi vay ngân hàng VIB		8.087.569			8.087.569
...	...	...	...	...	...	..	...
PBN64	30/12	Trả tiền mua đồ dùng văn phòng			7.810.500		8.591.550
...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng	7.204.441.000	11.976.035	60.134.727		15.346.092.156

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.24. Trích Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số S02a – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 04/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chứng từ		Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
SH	NT		Nợ	Có		
TH04/12		Chi TGNH T12/2013		112		
		Phải trả người bán	331		7.204.441.000	
		Chi phí tài chính	635		11.976.035	
		Chi phí QLKD	642		60.134.727	
...		...	...	...	...	
		Cộng	x	x	15.346.092.156	

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.25. Trích Sổ cái TK 635

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số S02c1 – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			SĐDK			
			SPS trong kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/12	04/12	31/12	Chi phí tài chính bằng tiền gửi T12	112	11.976.035	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 88/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		315.265.166
			Cộng SPS		315.265.166	315.265.166
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

2.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải

Thu nhập khác: là giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường. Thu nhập khác bao gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- + Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- + Thu tiền được phạt do khách vi phạm hợp đồng.
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- + Các khoản thuế được ngân sách Nhà nước hoàn lại.
- + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- + Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

Chi phí khác: là khoản chi phí của những hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác bao gồm:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- + Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Chi phí bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- + Chi phí bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- + Và các khoản chi phí khác.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, Phiếu thu
- Phiếu báo nợ, Phiếu báo có
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 711 - “Thu nhập khác”
- Tài khoản 811 – “Chi phí khác”
- Tài khoản 3331 – “Thuế GTGT phải nộp”
- Tài khoản 133 – “Thuế GTGT được khấu trừ”
- Các tài khoản khác có liên quan: TK 111, 112, ...

❖ Sổ sách kế toán sử dụng

- Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 711, TK811
- Và các sổ khác có liên quan.

Trong năm 2013, tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải không phát sinh các khoản chi phí khác và thu nhập khác.

2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải

❖ Nội dung của xác định kết quả kinh doanh

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào thì việc xác định kết quả kinh doanh là khâu được quan tâm chú ý rất nhiều. Xác định kết quả kinh doanh qua đó cho ta biết được hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được phương hướng kinh doanh sao cho đạt hiệu quả nhất.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

**Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh:* Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh.

**Kết quả hoạt động tài chính:* Là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

**Kết quả hoạt động khác:* Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải, cuối kỳ kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, thu nhập khác và chi phí khác (nếu có) sang Tài khoản 911 và bút toán kết chuyển lỗ hoặc lãi trên Phiếu kế toán. Sau đó, căn cứ vào các Phiếu kế toán đã lập để ghi sổ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định khi công ty có lãi, lúc đó thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và kế toán định khoản bằng bút toán là: Nợ TK 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

Có TK 3334 – “Thuế thu nhập doanh nghiệp”

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”
- Tài khoản 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”
- Tài khoản 421 – “Lợi nhuận chưa phân phối”
- Các tài khoản khác có liên quan: TK 111, 112, ...

❖ Sổ sách kế toán sử dụng

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 911, TK 421
- Và các sổ khác có liên quan.

❖ Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

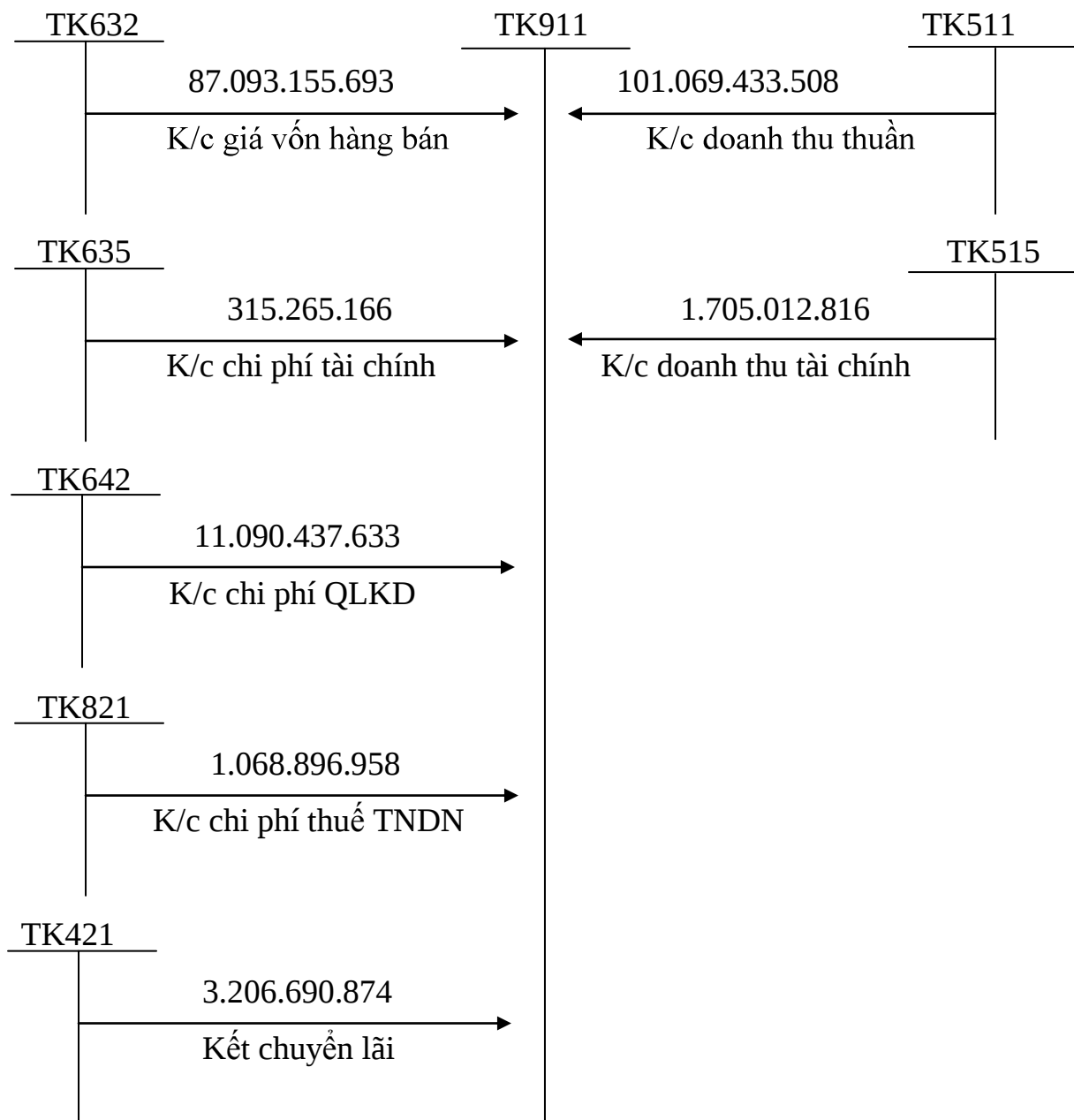
Các bút toán kết chuyển xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ 2.9 sau đây.

❖ Ví dụ minh họa

Ngày 31/12/2013, kế toán xác định kết quả kinh doanh năm 2013. Bút toán kết chuyển được thực hiện lần lượt qua các Phiếu kế toán số 87/12 - kết chuyển doanh thu (biểu số 2.26) và phiếu kế toán số 88/12 - kết chuyển giá vốn, chi phí (biểu số 2.27). Căn cứ vào phiếu kế toán số 87/12 và 88/12, kế toán lập chứng từ ghi sổ số 47/12 (biểu số 2.28) và chứng từ ghi sổ số 48/12 (biểu số 2.29). Từ Chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ (biểu số 2.30). Sau đó, kế toán căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để lập Sổ cái tài khoản 911 (biểu số 2.31). Từ sổ cái, kế toán tổng hợp số liệu để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.9. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh năm 2013



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.26. Phiếu kế toán

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Tháng 12 năm 2013

Số hiệu: 87/12 – Ghi có TK 911

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Ghi có TK 911			
Kết chuyển doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	101.069.433.508
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.705.012.816
Cộng	x	x	102.774.446.324

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.27. Phiếu kế toán

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Tháng 12 năm 2013

Số hiệu: 88/12 – Ghi nợ TK 911

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Ghi nợ TK 911			
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	87.093.155.693
Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	11.090.437.633
Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	315.265.166
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	1.068.896.958
Kết chuyển lãi	911	421	3.206.690.874
Cộng	x	x	102.774.446.324

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.28. Trích Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số S02a - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 47/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chứng từ		Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
SH	NT		Nợ	Có		
PKT87/12		Ghi có TK 911		911		
		Kết chuyển doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		101.069.433.508	
		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.705.012.816	
		Cộng	X	x	102.774.446.324	

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.29. Trích Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số S02a - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 48/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chứng từ		Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
SH	NT		Nợ	Có		
PKT88/12		Ghi nợ TK 911	911			
		Kết chuyển giá vốn hàng bán		632	87.093.155.693	
		Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh		642	11.090.437.633	
		Kết chuyển chi phí tài chính		635	315.265.166	
		Kết chuyển chi phí thuế TNDN		821	1.068.896.958	
		Kết chuyển lãi		421	3.206.690.874	
		Cộng	X	x	102.774.446.324	

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.30. Trích Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số S02b - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2013

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...	...	...
02/12	31/12	1.977.083.012
03/12	31/12	29.013.172.890
04/12	31/12	15.346.092.156
...	...	...
08/12	31/12	3.150.464.387
09/12	31/12	11.701.343.152
10/12	31/12	14.456.274.250
11/12	31/12	12.033.147.050
...	...	...
47/12	31/12	102.774.446.324
48/12	31/12	102.774.446.324
Cộng		1.515.194.562.144

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.31. Trích Sổ cái TK 911

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số S02c1 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			SDDK			
			SPS trong kỳ			
31/12	47/12	31/12	Ghi có TK 911			
			K/c DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		101.069.433.508
			K/c doanh thu tài chính	515		1.705.012.816
31/12	48/12	31/12	Ghi nợ TK 911			
			K/c giá vốn hàng bán	632	87.093.155.693	
			K/c chi phí quản lý kinh doanh	642	11.090.437.633	
			K/c chi phí tài chính	635	315.265.166	
			K/c chi phí thuế TNDN	821	1.068.896.958	
			Kết chuyển lãi	421	3.206.690.874	
			Cộng SPS		102.774.446.324	102.774.446.324
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.32. Báo cáo KQHĐKD

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số B02 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	101.069.433.508	90.195.078.231
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		101.069.433.508	90.195.078.231
4. Giá vốn hàng bán	11		87.093.155.693	79.964.722.933
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.976.277.815	10.230.355.298
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.705.012.816	793.468.634
7. Chi phí tài chính	22		315.265.166	265.894.027
- trong đó: chi phí lãi vay	23		315.265.166	265.894.027
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		11.090.437.633	8.120.033.457
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		4.275.587.832	2.637.896.448
10. Thu nhập khác	31			
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	IV.09	4.275.587.832	2.637.896.448
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		1.068.896.958	659.474.112
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		3.206.690.874	1.978.422.336

Lập ngày 26 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải

Mặc dù có bề dày phát triển chưa lâu nhưng Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải đã và đang khẳng định được chỗ đứng của mình trên thương trường. Những hợp đồng giao thầu xây dựng công trình với giá trị lớn đáp ứng được yêu cầu của khách hàng nhiều vùng miền, đã phần nào cũng đã khẳng định được sự trưởng thành, lớn mạnh của công ty.

Để có được những thành tựu như ngày hôm nay thì không thể không kể đến những cố gắng, nỗ lực của đội ngũ nhân viên tận tụy, nhiệt tình với công việc, chịu khó tìm tòi học hỏi để đổi mới, xây dựng công ty lớn mạnh.

Những ưu điểm của công ty trong công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua các khía cạnh sau:

3.1.1 Kết quả đạt được

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán tại công ty tổ chức theo mô hình tập trung hiện nay là khá phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Tuy chỉ có 5 thành viên kế toán nhưng vẫn đảm bảo việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các phân hành. Thực hiện nghiêm túc với ngân sách Nhà nước về các khoản nộp. Tiến hành quản lý hạch toán với từng khách hàng, xác định được kết quả kinh doanh ở từng thời điểm cụ thể.

Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc. Chính vì vậy nên tổ chức công tác kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những gian lận, sai sót.

❖ Về hình thức kế toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty áp dụng hình thức kế toán ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ do Bộ Tài Chính ban hành. Hình thức này rất phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty xây lắp nói chung và Công ty xây lắp điện Duyên Hải nói riêng. Bởi công ty có số nghiệp vụ kinh tế cùng loại cùng nội dung nhiều, nên phải tập hợp chứng từ vào bảng kê chứng từ cùng nội dung rồi lấy số cộng để ghi vào CTGS, và lấy số cộng các CTGS để ghi vào sổ cái các tài khoản. Nhờ vậy mà kế toán giảm được rất nhiều thời gian trong việc ghi chép vào sổ cái, và nhìn sổ cái không bị rối.

❖ Về hệ thống tài khoản sử dụng

Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng tại công ty hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ Tài Chính (hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC) cũng như tài khoản sử dụng cho việc hạch toán kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phù hợp với hệ thống tài khoản được quy định hiện hành. Đồng thời trong quá trình hạch toán, Công ty phản ánh một cách chi tiết cụ thể, thuận tiện và phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm riêng của từng đơn vị.

❖ Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

- Về tổ chức công tác kế toán doanh thu

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

- Về công tác kế toán chi phí

Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác.

3.1.2. Hạn chế

Mặc dù về cơ bản, công ty đã tổ chức tốt việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhưng vẫn còn hạn chế những điểm sau:

❖ **Về việc ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán**

Hạch toán ở công ty chủ yếu được ghi chép bằng tay. Hệ thống máy tính ở phòng kế toán chưa thực sự được sử dụng một cách hiệu quả để phục vụ cho công tác kế toán mà chủ yếu phục vụ cho các công việc văn phòng thông thường. Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán trong việc hạch toán kế toán.

❖ **Đối với tình hình quản lý công nợ**

- Công ty chưa có chính sách về chiết khấu thanh toán phù hợp để kích thích việc đẩy nhanh công tác thu hồi nợ và tránh tình trạng công ty bị khách hàng chiếm dụng vốn.

- Hiện nay tại Công ty không tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi lớn vì công ty là một doanh nghiệp thương mại với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn, bên cạnh đó để thu hút khách hàng. Công ty có chính sách bán trả chậm nên việc gặp phải rủi ro khi không thu hồi được nợ có khả năng xảy ra rất lớn. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán, hoặc cũng có thể không thanh toán được.

3.2. Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Ngày nay, việc hoàn thiện từng phần hành kế toán, tiến tới hoàn thiện toàn bộ bộ máy kế toán để đáp ứng yêu cầu đổi mới và đạt hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và quản lý kinh doanh luôn là vấn đề được đặt lên hàng đầu đối với các nhà quản lý kinh tế. Xuất phát từ nhu cầu này, Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải luôn đề cao, coi trọng công tác hoàn thiện bộ máy kế toán của mình đặc biệt là hoàn thiện phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Việc hoàn thiện phần hành kế toán này phải dựa trên những quy tắc và chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

Tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã vận dụng đúng quy định của chế độ kế

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

toán đối với loại hình doanh nghiệp xây lắp từ hạch toán ban đầu đến ghi sổ nghiệp vụ và lập báo cáo kết quả kinh doanh. Mặc dù vậy, bên cạnh những ưu điểm vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được khắc phục để hoàn thiện hơn nữa phân hành kế toán này của công ty.

3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải

❖ Kiến nghị 1: Ứng dụng phần mềm kế toán máy vào công tác kế toán

Trong điều kiện khoa học phát triển như hiện nay thì tin học được vận dụng một cách rộng rãi. Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Duyên Hải cũng đã vận dụng tin học vào công tác quản lý cũng như công tác kế toán nhưng chưa triệt để. Công ty chưa áp dụng các phần mềm kế toán vào công tác kế toán nên chưa tiết kiệm được lao động, báo cáo số liệu chậm, độ chính xác không cao. Vì vậy, công ty nên cấp kinh phí cho phòng kế toán mua phần mềm kế toán để sử dụng trong công tác hạch toán.

Một số phần mềm kế toán công ty có thể áp dụng :

Phần mềm kế toán FAST

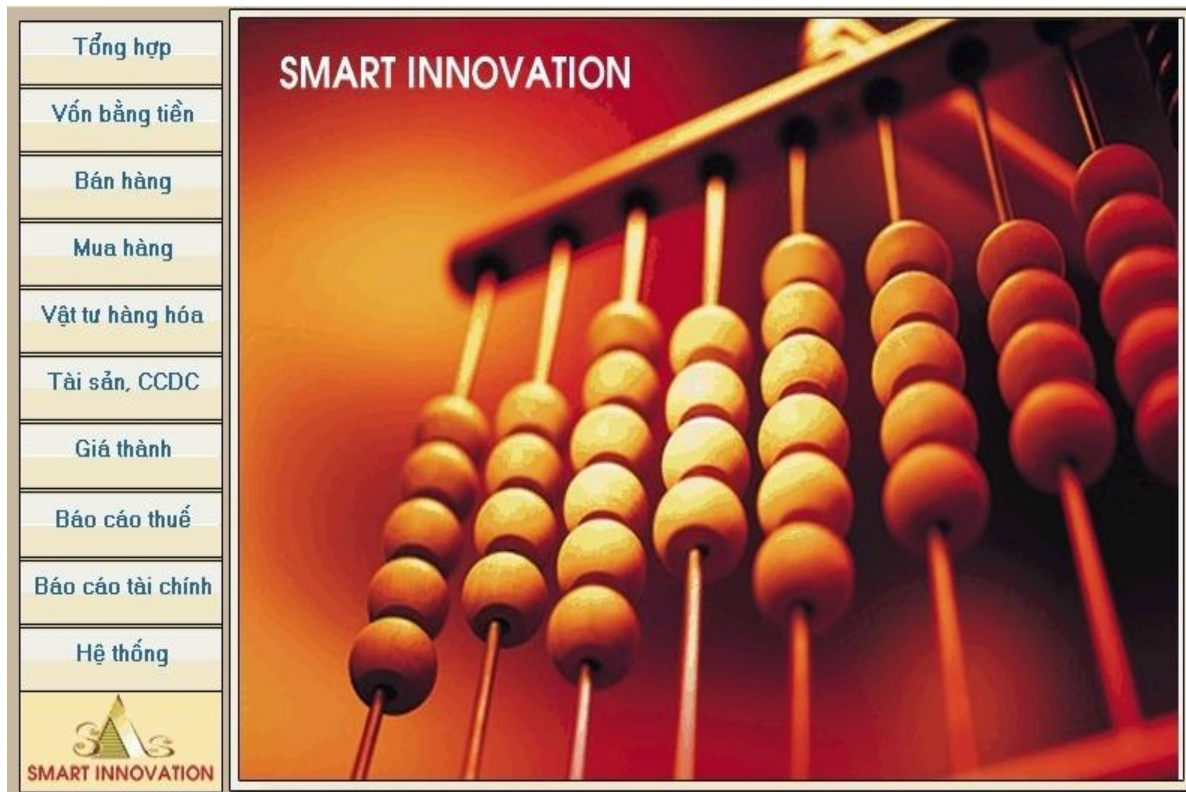


Phần mềm kế toán MISA

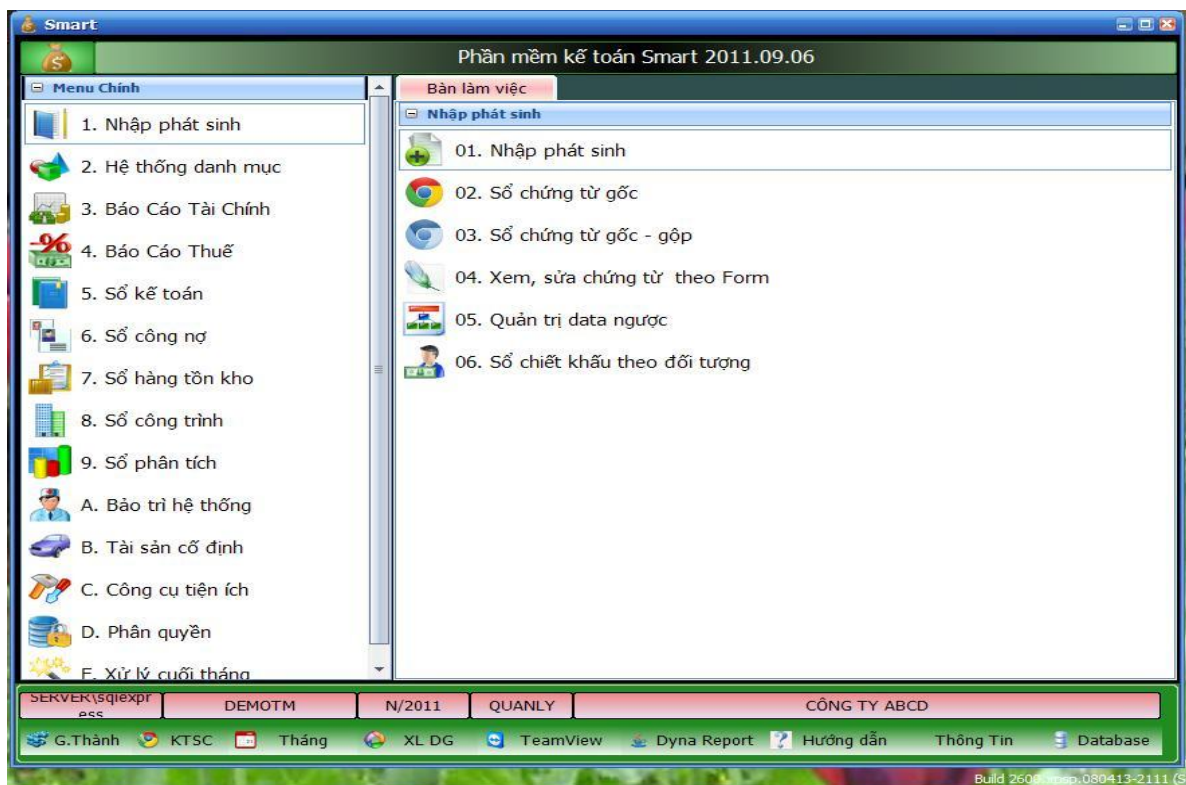


KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Phần mềm kế toán SAS INNOVA



Phần mềm kế toán SMART



❖ Kiến nghị 2: Về việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và giảm đến mức tối thiểu những tổn thất về những khoản phải thu khó đòi có thể xảy ra thì việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi là điều vô cùng cần thiết do:

- Các khoản nợ của khách hàng là rất lớn nên nguy cơ giảm giá và mất khả năng thanh toán rất dễ xảy ra.

- Khách hàng của Công ty là những khách hàng thường xuyên với hình thức thanh toán trả chậm nên việc thất thu là không thể tránh khỏi.

Do vậy Công ty nên tiến hành lập khoản dự phòng phải thu khó đòi cho các hoạt động của mình.

✓ Đối với dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Là một doanh nghiệp xây lắp, nên quy mô các khoản phải thu của khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng còn chậm, thậm chí có nhiều khách hàng mất khả năng thanh toán (theo báo cáo nợ phải thu đến ngày 31/12/2013). Vì vậy việc công ty không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để tránh những rủi ro là một hạn chế lớn của công ty.

Để trích lập các khoản phải thu khó đòi, theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính kế toán sử dụng TK159 "Các khoản dự phòng" và chi tiết cho từng khách hàng. Vào cuối niên độ kế toán, kế toán căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được thì phải trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Theo thông tư 228/2009/TT – BTC ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau. Phương pháp xác định mức dự phòng cần lập:

Thời gian quá hạn thanh toán (t)	Mức dự phòng cần lập
$6 \text{ tháng} < t < 01^{\text{năm}}$	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
$01^{\text{năm}} < t < 02^{\text{năm}}$	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
$02^{\text{năm}} < t < 03^{\text{năm}}$	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
$> 3^{\text{năm}}$	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

Ước tính đối với khách hàng đáng ngờ (dựa vào thời gian quá hạn thực tế):

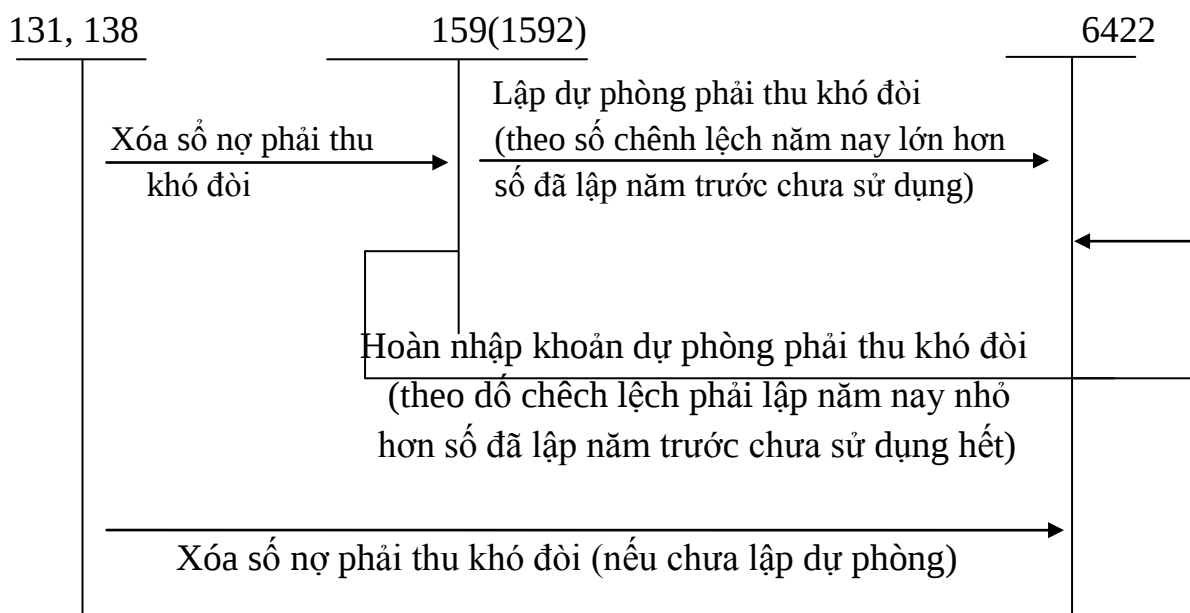
Số dự phòng cần lập Số nợ phải thu khách x Tỷ lệ ước tính không thu
cho niên độ tới của hàng đáng ngờ được của khách hàng
khách hàng đáng ngờ

✓ Khi tiến hành trích lập các khoản dự phòng, công ty cần chú ý:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có căn cứ xác định các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được.
- Việc lập dự phòng phải thu khó đòi phải được chi tiết cho từng khách hàng. Sau khi tiến hành xong việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi, cuối kỳ kế toán, kế toán tiến hành tập hợp chi phí trên các TK 642 rồi sau đó kết chuyển vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Sơ đồ 3.1. Sơ đồ kế toán dự phòng phải thu khó đòi



Đối với các khoản nợ được xóa sổ thì căn cứ vào các chứng từ sau: biên bản của hội đồng xử lý nợ, bản kê chi tiết khoản nợ khó đòi, quyết định của tòa án... quyết định của cấp có thẩm quyền về xử lý số nợ không thu hồi được.

Sau khi tiến hành xóa sổ các khoản nợ không đòi được, kế toán vẫn phải tiến hành theo dõi tối thiểu trong vòng 05 năm và vẫn phải có các biện pháp đòi nợ. Sau này nếu thu hồi được số nợ phải thu khó đòi đã xóa sổ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được và ghi nhận:

Nợ TK 111, 112: Giá trị thực tế thu hồi được

Có TK 711 : Thu nhập khác

Đồng thời tiến hành ghi đơn:

Có TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý

❖ Kiến nghị 3: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Hiện nay, công ty đang có một số khách hàng nợ dài hạn, giá trị cũng khá lớn, công ty nên đưa ra phương thức khuyến khích khách hàng thanh toán sớm hoặc trước thời hạn để bổ sung nguồn vốn vào quá trình sản xuất kinh doanh, hạn chế các khoản đi vay của công ty. Công ty có thể cho khách hàng hưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

chiết khấu thanh toán nếu khách hàng có thể thanh toán ngay hoặc thanh toán trước thời hạn thỏa thuận ban đầu...

Kế toán hạch toán khoản chiết khấu thanh toán vào tài khoản 635 “Chi phí tài chính”. và định khoản như sau:

Nợ TK 635

Có TK 111, 112 (Nếu khách hàng trả bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng)

Có TK 131 (Nếu bù trừ luôn vào khoản phải thu)

Mức hưởng chiết khấu tùy vào từng công trình: Ví dụ trả trước 1 tháng được hưởng chiết khấu 1%, trước 2 tháng 2% trên tổng số nợ của khách hàng. Có thể dựa vào các yếu tố sau để lựa chọn mức chiết khấu thật phù hợp:

- Tổng giá trị công trình.
- Thời gian thanh toán
- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện tại
- Dựa vào mức chiết khấu của doanh nghiệp cùng loại
- Dựa vào chính sách kinh doanh của công ty.

Khi công ty áp dụng chính sách này có thuận lợi đó là giảm trừ được rủi ro đối với các khoản doanh thu bán chịu, và thúc đẩy quá trình thanh toán của khách hàng tránh trường hợp bị khách hàng chiếm dụng vốn, hơn nữa khi khách hàng thanh toán trước thời hạn, công ty có thể sử dụng số tiền đó để tái đầu tư sản xuất hoặc gửi ngân hàng sinh lời...

Ví dụ: Ngày 17/12/2013, Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải bàn giao công trình hệ thống cấp thoát nước cho Công ty cổ phần Hưng Phát. Tổng trị giá hợp đồng là 42.542.500 đồng (chưa có thuế VAT 10%). Theo hợp đồng giao thầu, Công ty cổ phần Hưng Phát phải thanh toán sau 01 tháng kể từ ngày công trình hoàn thành bàn giao. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Hưng Phát đã thanh toán trước hạn ngay ngày 17/12/2013 bằng chuyển khoản.

Vì đã thanh toán trước hạn 01 tháng, Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải nên chiết khấu thanh toán 1% cho Công ty cổ phần Hưng Phát bằng tiền mặt.

Số tiền chiết khấu = $42.542.500 \times 1\% = 425.425$ đồng.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 635: 425.425

Có TK 111: 425.425

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sau khi chiết khấu thanh toán cho Công ty cổ phần Hưng Phát, kế toán căn cứ vào Phiếu chi số.../12 (biểu số 3.1) để ghi vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung chi tiền mặt số TH02/12 (biểu số 3.2).

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung để lập Chứng từ ghi sổ (biểu số 3.3). Từ Chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ (biểu số 3.4).

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để phản ánh vào Sổ cái tài khoản 635 (biểu số 3.5). Từ sổ cái, kế toán tổng hợp số liệu để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 3.1. Phiếu chi số .../12

CÔNG TY CP XÂY LẬP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số 02 - TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 17 tháng 12 năm 2013

Quyển số: 14

Số: .../12

Nợ TK 635: 425.425

Có: TK111: 425.425

Họ và tên người nhận tiền:

Địa chỉ: Công ty cổ phần Hưng Phát

Lý do chi: Chi chiết khấu thanh toán cho Công ty cổ phần Hưng Phát.

Số tiền: 425.425 đồng.

Viết bằng chữ: *Bốn trăm hai mươi năm nghìn bốn trăm hai năm đồng./*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 17 tháng 12 năm 2013

Đã nhận đủ số tiền: Bốn trăm hai mươi năm nghìn bốn trăm hai năm đồng./

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):

Số tiền quy đổi:

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3.2. Trích bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung (sau khi thêm nghiệp vụ chiết khấu thanh toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Số 163 Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Nội dung: Chi tiền mặt

Số hiệu: TH02/12

Tháng 12 năm 2013

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 111 ghi nợ các TK						Cộng có TK111
SH	NT		112	152	133	635	642	...	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
PC36/12	13/12	Xuất quỹ gửi NH	100.000.000						100.000.000
PC37/12	14/12	Chi tiền mua NVL		13.200.000	1.320.000				17.424.000
PC38/12	15/12	Thanh toán cước VT			77.955		779.545		857.500
PC39/12	15/12	Chi tiền tạm ứng NV đi công tác							4.000.000
PC40/12	16/12	Chi mua đồ dùng VP			311.500		3.115.000		3.426.500
<i>PC.../12</i>	<i>17/12</i>	<i>Chiết khấu thanh toán cho Hưng Phát</i>				<i>425.425</i>			<i>425.425</i>
...	...	...	...	...	...	...	...		...
		Cộng	180.500.000	201.071.300	29.135.677	425.425	31.091.575		1.977.508.437

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3.3. Trích Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số S02a - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 02/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chứng từ		Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
SH	NT		Nợ	Có		
TH02/12		Chi tiền mặt T12/2013		111		
		Tiền gửi ngân hàng	112		180.500.000	
		Nguyên vật liệu	152		201.071.300	
		Thuế GTGT được khấu trừ	133		29.135.677	
		Tạm ứng	141		16.370.000	
		Chi phí quản lý kinh doanh	642		31.091.575	
		Chiết khấu thanh toán	635		425.425	
...		...	...	...	...	
		Cộng	x	x	1.977.508.437	

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3.4. Trích Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số S02b - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2013

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...	...	...
02/12	31/12	1.977.083.012
03/12	31/12	29.013.172.890
04/12	31/12	15.346.092.156
...	...	...
08/12	31/12	3.150.464.387
09/12	31/12	11.701.343.152
10/12	31/12	14.456.274.250
11/12	31/12	12.033.147.050
...	...	...
47/12	31/12	102.774.446.324
48/12	31/12	102.774.446.324
Cộng		1.515.194.562.144

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3.5. Trích Sổ cái TK 635 (khi thêm nghiệp vụ CKTT)

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

Mẫu số S02c1 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			SĐDK			
			SPS trong kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/12	02/12	31/12	<i>Chi phí tài chính bằng tiền mặt T12</i>	111	425.425	
31/12	04/12	31/12	Chi phí tài chính bằng tiền gửi T12	112	11.976.035	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 88/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		315.690.591
			Cộng SPS		315.690.591	315.690.591
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ **Kiến nghị 4: Về việc lập sổ chi tiết chi phí cho TK 642**

Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải chưa lập các sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh. Điều này gây khó khăn lớn cho việc theo dõi xác định chi phí trong quá trình kinh doanh. Để giải quyết vấn đề này, Công ty nên bổ sung thêm Sổ chi chi tiết chi phí TK 642.

Ví dụ 2: Ngày 15/12/2013, Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải thanh toán tiền cước phí viễn thông tháng 11/2013 cho Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam bằng tiền mặt, số tiền là 779.545 đồng (chưa VAT 10%).

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0268582 (biểu số 2.13), Phiếu chi số 28/12 (biểu số 2.14), kế toán lập sổ chi tiết chi phí cho TK 642 (biểu số 3.6).

Biểu số 3.6. Sổ chi tiết TK642

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN DUYÊN HẢI

Nguyễn Đức Cảnh – Cát Dài – Lê Chân – HP

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ

Năm 2013

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Đơn vị tính: VND

CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK 642		
SH	NT			...	6421	6422
		SPS trong kỳ				
...	...	...	...		...	...
<i>HD</i> 2685825	15/12	<i>Thanh toán tiền điện thoại bằng tiền mặt</i>	111			779.545
...	...	...	...		...	...
		Cộng SPS		...	...	11.090.437.633

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾT LUẬN

Đối với một doanh nghiệp, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất quan trọng. Thông qua việc kế toán xác định đúng doanh thu, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp, ngoài việc giám đốc có thể đánh giá được tình hình kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp theo chiều hướng tốt hay xấu, đồng thời còn xác định được số thuế phải nộp Nhà nước, phân phối thu nhập cho người lao động, chia lãi cho các cổ đông góp vốn. Vì thế việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất cần thiết cho sự phát triển của doanh nghiệp.

Đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải” đã nêu được những vấn đề cơ bản sau đây:

Về mặt lý luận: nêu được những nhận thức về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải.

Về mặt thực tế: đã đưa ra được những số liệu minh họa cụ thể doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong kỳ kinh doanh của công ty.

Về những kiến nghị nhằm hoàn thiện những mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh: đã vận dụng, kết hợp được lý thuyết được học ở trường với những kiến thức ngoài thực tế đưa ra những đề xuất khách quan cho việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Do trình độ còn hạn chế nên khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện. Qua đây, em xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến ThS. Trần Thị Thanh Thảo cùng các thầy cô giáo trong trường đã tận tình chỉ bảo em để em hoàn thành khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn !

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
2. Giáo trình kế toán tài chính (Nhà xuất bản thống kê năm 2009).
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp Quyển I & II (Nhà xuất bản lao động năm 2011)
4. Võ Văn Nhị (2006), *Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp, ghi sổ kế toán*
5. Thông tin tổng hợp từ một số trang Web: www.lib.hpu.vn, www.tailieu.vn, www.tapchiketoan.com, www.google.com.vn ...